



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence – Freedom - Happiness

Số/No: 1019/MB-HĐQT

V/v: Sửa đổi Điều lệ Ngân hàng TMCP

Quân đội

Re: Amendment of Charter of Military

Commercial Joint Stock Bank

Hà Nội, ngày 06 tháng 10 năm 2025

Hanoi, October 10, 2025

Kính gửi/To: - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
The State Bank of Vietnam
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
The State Securities Commission;
- Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam;
Vietnam Stock Exchange;
- Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Hochiminh Stock Exchange;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội;
Hanoi Stock Exchange;

Công ty/Company: Ngân hàng TMCP Quân đội/Military Commercial Joint Stock Bank

Mã chứng khoán/
Securities symbol MBB

Địa chỉ trụ sở chính/
Head office address Số 18 Lê Văn Lương, Phường Yên Hòa, TP Hà Nội
No. 18 Le Van Luong, Yen Hoa Ward, Hanoi City

Điện thoại/Telephone: (84-24) - 6266.1088

Fax: (84-24) - 6266.1080

Người thực hiện công bố
thông tin/ Submitted by: Bà/Mrs. Vũ Thị Hải Phượng

Chức vụ/Position: Phó Chủ tịch HĐQT /
BOD Vice Chairwoman

Loại thông tin công bố/
Type of Information ☐ định kỳ/periodic ☐ bất thường/irregular
☒ 24 giờ/ hours ☐ theo yêu cầu/on demand
disclosure

Nội dung thông tin công bố: Ngày 04/10/2025, Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB) ban hành Điều lệ sửa đổi, cập nhật các nội dung sau:

1. Cập nhật thông tin địa chỉ trụ sở chính MB theo quy định về đơn vị hành chính cấp phường, xã của thành phố Hà Nội (không thay đổi địa điểm), cụ thể: Số 18 Lê Văn Lương, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
2. Thay đổi mức vốn điều lệ MB sau khi hoàn thành phương án tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo Nghị quyết ĐHCĐ năm 2025, cụ thể: Vốn điều lệ của MB tại thời điểm ban hành Điều lệ này là 80.549.999.090.000 VNĐ (Bằng chữ: Tám



mười nghìn năm trăm bốn mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, không trăm chín mươi nghìn đồng).

Chi tiết theo file đính kèm.

Content of information disclosure: On 04/10/2025, Military Commercial Joint Stock Bank (MB) issued an amended Charter, updating the following contents:

- 1. Update MB's head office address information in accordance with the administrative unit regulation at ward/commune level of Hanoi City (no change in physical location), specifically: No. 18 Le Van Luong, Yen Hoa Ward, Hanoi City, Vietnam.*
- 2. Adjustment of MB's charter capital after completing the capital increase plan through issuing shares to pay dividends according to the Resolution of the 2025 Shareholders' Meeting, specifically: MB's charter capital at the time of issuance of this Charter is VND 80,549,999,090,000 VND (In words: Eighty thousand five hundred forty-nine billion, nine hundred ninety-nine million, zero hundred ninety thousand VND).*

Details in attached file.

Thông tin trên đã được công bố trên trang thông tin điện tử MB www.mbbank.com.vn - Mục Nhà đầu tư – Phần Thông báo.

The above information was disclosed on MB website at www.mbbank.com.vn – Investors Relation - Announcement

Ngân hàng TMCP Quân đội xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

MB declares that all information provided above is true and accurate and we shall take full responsibility before the law for the disclosed information.

Trân trọng cảm ơn!

Best Regards!

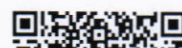
Nơi nhận/ Recipients:

- Như trên / As above;
- HĐQT, BKS(để báo cáo)/ BOD, SB (for reporting);
- Lưu: VT, VP HĐQT/ Archive at Admin Office, BOD Office

**PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT
BOD VICE CHAIRWOMAN**



Vũ Thị Hải Phượng



NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI

ĐIỀU LỆ

NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	1
Mục 1. Giải thích từ ngữ	1
Điều 1. Định nghĩa	1
Mục 2. Tên gọi, trụ sở, mục tiêu và nội dung hoạt động	4
Điều 2. Tên gọi, hình thức, trụ sở chính, đại diện theo pháp luật, mạng lưới hoạt động và thời gian hoạt động của MB	4
Điều 3. Mục tiêu, nội dung và định hướng hoạt động của MB	5
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của MB	6
CHƯƠNG II. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA MB	6
Mục 1. Nội dung hoạt động chính	6
Điều 5. Hoạt động cấp tín dụng	6
Điều 6. Hoạt động ngân hàng khác	7
Điều 7. Vay, gửi tiền, mua, bán giấy tờ có giá	7
Điều 8. Mở tài khoản	7
Điều 9. Tổ chức và tham gia hệ thống thanh toán	7
Điều 10. Hoạt động đầu tư, góp vốn, mua cổ phần	8
Điều 11. Nghiệp vụ ủy thác và đại lý, giao đại lý	8
Điều 12. Kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối và sản phẩm phái sinh	8
Điều 13. Các hoạt động khác	8
Mục 2. Các quy định về hoạt động của MB	9
Điều 14. Áp dụng điều ước quốc tế và tập quán thương mại	9
Điều 15. Các hoạt động bằng phương tiện điện tử	9
Điều 16. Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát	9
Điều 17. Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của MB	10
Điều 18. Kinh doanh bất động sản	10
Điều 19. Các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động	10
CHƯƠNG III. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU	10
Mục 1. Vốn điều lệ	10
Điều 20. Vốn điều lệ	10
Điều 21. Thay đổi vốn điều lệ	11
Mục 2. Cổ phần, cổ phiếu, trái phiếu	11
Điều 22. Cổ phần	11
Điều 23. Chào bán cổ phần	12
Điều 24. Mua lại cổ phần	12
Điều 25. Chuyển nhượng cổ phần	13
Điều 26. Thừa kế cổ phần	14
Điều 27. Tỷ lệ sở hữu cổ phần	14
Điều 28. Sổ đăng ký cổ đông	15
Điều 29. Cổ phiếu	15
Điều 30. Phát hành trái phiếu	16
CHƯƠNG IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT MB	17
Mục 1. Cơ cấu tổ chức quản lý	17
Điều 31. Cơ cấu tổ chức quản lý	17
Mục 2. Cổ đông và Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 32. Cổ đông	17
Điều 33. Đại diện cổ đông	17
Điều 34. Quyền của Cổ đông	18
Điều 35. Nghĩa vụ của Cổ đông	20
Điều 36. Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 37. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	23

Điều 38.	Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 39.	Danh sách cổ đông có quyền dự họp.....	25
Điều 40.	Thông báo mời họp, Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông	26
Điều 41.	Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	27
Điều 42.	Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	28
Điều 43.	Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	30
Điều 44.	Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	31
Điều 45.	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	33
Điều 46.	Yêu cầu hủy bỏ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông	34
Mục 3.	Điều khoản chung về Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và người quản lý khác.....	34
Điều 47.	Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn chung	34
Điều 48.	Những người không được là Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, thành viên Ban điều hành của MB và các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ khác	35
Điều 49.	Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ.....	37
Điều 50.	Đương nhiên mất tư cách	38
Điều 51.	Bãi nhiệm, miễn nhiệm	38
Điều 52.	Đình chỉ, tạm đình chỉ chức danh thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành	39
Mục 4.	Các quyền và nghĩa vụ của Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người điều hành và Người quản lý khác.....	40
Điều 53.	Nghĩa vụ thận trọng.....	40
Điều 54.	Nghĩa vụ trung thành, tránh xung đột quyền lợi và nghĩa vụ khác	40
Điều 55.	Quyền lợi, Trách nhiệm và Bồi thường.....	42
Mục 5.	Hội đồng quản trị	42
Điều 56.	Thành phần và Nhiệm kỳ	42
Điều 57.	Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Thành viên Hội đồng quản trị.....	44
Điều 58.	Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị.....	45
Điều 59.	Quyền và nghĩa vụ của Thành viên Hội đồng quản trị.....	47
Điều 60.	Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị	47
Điều 61.	Thù lao và lợi ích của Thành viên Hội đồng quản trị.....	48
Điều 62.	Thay thế Thành viên Hội đồng quản trị	49
Điều 63.	Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	49
Điều 64.	Các Ủy ban của Hội đồng quản trị	52
Điều 65.	Bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị.....	52
Mục 6.	Tổng Giám đốc	52
Điều 66.	Tổng Giám đốc.....	52
Điều 67.	Tiêu chuẩn, điều kiện Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Tài chính, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc (Tổng Giám đốc) Công ty thành viên	54
Điều 68.	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, đương nhiên mất tư cách Tổng Giám đốc	55
Điều 69.	Giúp việc cho Tổng Giám đốc	55
Mục 7.	Ban kiểm soát.....	56
Điều 70.	Thành phần và nhiệm kỳ	56
Điều 71.	Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát	57
Điều 72.	Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát và các Thành viên Ban kiểm soát....	58
Điều 73.	Thay thế thành viên Ban kiểm soát.....	60
Điều 74.	Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	61
Mục 8.	Người lao động và Công đoàn	63
Điều 75.	Người lao động và công đoàn	63
CHƯƠNG V.	MỐI QUAN HỆ GIỮA MB VÀ CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN	63
Mục 1.	Các Đơn vị trực thuộc, Công ty thành viên, Công ty liên kết của MB.....	63

Điều 76.	Các Đơn vị trực thuộc, Công ty thành viên, Công ty liên kết.....	63
Mục 2.	Mối quan hệ giữa MB với các Đơn vị trực thuộc	63
Điều 77.	Quan hệ giữa MB và các Đơn vị trực thuộc.....	63
Mục 3.	Quan hệ giữa MB và các Công ty thành viên, Công ty liên kết	63
Điều 78.	Quản lý phần vốn góp của MB trong các Công ty thành viên, Công ty liên kết....	63
Điều 79.	Chi phối, liên kết, hợp tác với Công ty thành viên, Công ty liên kết.....	64
Điều 80.	Quyền và nghĩa vụ của MB đối với Công ty thành viên là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	64
Điều 81.	Quyền và nghĩa vụ của MB đối với Công ty thành viên là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần.....	65
Điều 82.	Quan hệ giữa MB với các Công ty liên kết	65
CHƯƠNG VI.	CƠ CHẾ TÀI CHÍNH	65
Mục 1.	Hệ thống kế toán và năm tài chính	65
Điều 83.	Hệ thống kế toán	65
Điều 84.	Năm tài chính	66
Mục 2.	Kiểm toán	66
Điều 85.	Kiểm toán	66
Mục 3.	Phân chia lợi nhuận	66
Điều 86.	Phân chia lợi nhuận sau thuế.....	66
Điều 87.	Trích lập quỹ sau thuế và trích lập dự phòng.....	66
Điều 88.	Trả cổ tức	67
CHƯƠNG VII.	SỔ SÁCH, HỒ SƠ NGÂN HÀNG VÀ DẤU	68
Điều 89.	Báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý.....	68
Điều 90.	Quyền tiếp cận, kiểm tra sổ sách và hồ sơ của MB.....	68
Điều 91.	Chế độ lưu giữ tài liệu của MB	69
Điều 92.	Công bố thông tin và thông báo ra công chúng.....	69
Điều 93.	Dấu của MB	69
CHƯƠNG VIII.	TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN NGÂN HÀNG	69
Điều 94.	Tổ chức lại.....	69
Điều 95.	Giải thể.....	69
Điều 96.	Phá sản.....	70
CHƯƠNG IX.		71
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ, SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ	71	
Điều 97.	Giải quyết tranh chấp nội bộ	71
Điều 98.	Sửa đổi, bổ sung Điều lệ	71
CHƯƠNG X.	ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	71
Điều 99.	Ngôn ngữ sử dụng và Hiệu lực của Điều lệ	71

ĐIỀU LỆ

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUÂN ĐỘI

PHẦN MỞ ĐẦU

Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) là Doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, thực hiện hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác phù hợp quy định của pháp luật nhằm phục vụ các khách hàng Quân đội, khách hàng tổ chức, cá nhân vì mục tiêu lợi nhuận, góp phần thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu kinh tế của Nhà nước. Tổ chức và hoạt động của MB được thực hiện theo Điều lệ này, quy định pháp luật hiện hành và các thông lệ quản trị tiên tiến, phù hợp với MB.

Điều lệ MB gồm 10 Chương, 99 Điều, được căn cứ quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định pháp luật khác có liên quan, phù hợp với hoạt động thực tế của MB.

Trong Điều lệ này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất cứ quy định hoặc văn bản pháp luật nào sẽ bao gồm cả văn bản hướng dẫn, sửa đổi hoặc văn bản pháp luật thay thế.

Điều lệ này do Đại hội đồng cổ đông MB quyết định thông qua và có hiệu lực theo quy định tại Điều 99 Điều lệ này.

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Mục 1. Giải thích từ ngữ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, trừ trường hợp ngữ cảnh cụ thể có quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như sau:

- 1.1. “Vốn điều lệ”: là tổng mệnh giá cổ phần của MB đã bán cho cổ đông.
- 1.2. “Vốn pháp định”: là mức vốn tối thiểu phải có theo quy định của pháp luật để thành lập MB.
- 1.3. “Vốn tự có”: gồm giá trị thực của vốn điều lệ của MB cộng một số quỹ dự trữ, cộng một số tài sản nợ khác trừ các khoản phải giảm trừ; việc xác định vốn tự có thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.
- 1.4. “Thời hạn hoạt động”: là thời gian MB được tiến hành các hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật, được ghi nhận tại Điều lệ này và giấy phép thành lập và hoạt động của MB.
- 1.5. “Mạng lưới hoạt động”: là các chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài và các địa điểm mạng lưới hoạt động khác của MB phù hợp quy định của pháp luật.
- 1.6. “Cổ đông”: là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần của MB.

1.7. “Cổ đông sáng lập”: là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập của MB.

1.8. “Cổ đông lớn”: là cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của MB, bao gồm cả số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp.

1.9. “Sở hữu gián tiếp”: là việc tổ chức, cá nhân sở hữu vốn điều lệ của MB thông qua ủy thác đầu tư hoặc thông qua doanh nghiệp mà tổ chức, cá nhân đó sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ.

1.10. “Sổ đăng ký cổ đông”: là tài liệu bằng văn bản giấy hoặc dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này được quy định tại Điều 28 của Điều lệ này.

1.11. “Cổ phần”: là vốn điều lệ của MB được chia thành các phần bằng nhau.

1.12. “Cổ phiếu”: là chứng khoán do MB phát hành xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một hoặc một số cổ phần của MB.

1.13. “Cổ tức”: là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác.

1.14. “Pháp luật”: là các luật, pháp lệnh, nghị định, quy định, thông tư, quyết định và các văn bản pháp luật khác điều chỉnh nội dung được quy định cụ thể tại Điều lệ này.

1.15. “Luật Doanh nghiệp”: là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế có hiệu lực tại thời điểm áp dụng.

1.16. “Luật các Tổ chức tín dụng”: có nghĩa là Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18 tháng 01 năm 2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế có hiệu lực tại thời điểm áp dụng.

1.17. “Luật Chứng khoán” có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế có hiệu lực tại thời điểm áp dụng.

1.18. “Người điều hành của MB”: là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, thành viên Ban điều hành, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh và các chức danh khác theo quyết định của Hội đồng quản trị MB.

1.19. “Người quản lý của MB”: là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, thành viên Ban điều hành và các chức danh khác do Hội đồng quản trị MB quy định.

1.20. “Thành viên độc lập Hội đồng quản trị”: là Thành viên Hội đồng quản trị đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật của tổ chức tín dụng và quy định tại Điều lệ này.

1.21. “Người có quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông”: là những người có quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông của MB được quy định cụ thể tại Điều 36 của Điều lệ này.

1.22. “Người có liên quan”: là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp:

a. Công ty mẹ với công ty con và ngược lại, công ty mẹ với công ty con của công ty con và ngược lại; tổ chức tín dụng với công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; tổ chức tín dụng với công ty con của công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; các công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau; các công ty con của công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau; người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc của tổ chức tín dụng, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại;

b. Công ty hoặc tổ chức tín dụng với người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó hoặc với công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại.

c. Công ty hoặc tổ chức tín dụng với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại.

d. Cá nhân với vợ, chồng; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, cha dượng, mẹ kế, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng; con đẻ, con nuôi, con riêng của vợ hoặc chồng, con dâu, con rể; anh, chị, em cùng cha mẹ; anh, chị, em cùng cha khác mẹ; anh, chị, em cùng mẹ khác cha; anh vợ, chị vợ, em vợ, anh chồng, chị chồng, em chồng, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người cùng cha mẹ hoặc cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha (sau đây gọi là vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em); ông bà nội, ông bà ngoại; cháu nội, cháu ngoại; bác ruột, cô ruột, dì ruột, chú ruột, cậu ruột và cháu ruột.

e. Công ty hoặc tổ chức tín dụng với cá nhân có mối quan hệ theo quy định tại điểm d khoản này với người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại.

f. Cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp cho tổ chức, cá nhân quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c, điểm d và điểm e khoản này với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp của cùng một tổ chức với nhau.

g. Người có liên quan khác theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng.

Định nghĩa Người có liên quan tại khoản này áp dụng đối với các nội dung về tổ chức, hoạt động và các nội dung khác theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng; đối với việc công bố thông tin và các nội dung khác về người có liên quan quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán thì áp dụng theo các Luật đó, phù hợp với nguyên tắc áp dụng pháp luật.

1.23. “Công ty liên kết của MB”: là công ty mà MB hoặc MB và người có liên quan của MB sở hữu trên 11% (mười một phần trăm) vốn điều lệ hoặc trên 11% (mười một phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con của MB.

1.24. “Công ty con của MB” hoặc “Công ty thành viên của MB”: là công ty thuộc một trong các trường hợp sau:

a. MB hoặc MB và người có liên quan của MB sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ hoặc trên 50% (năm mươi phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty đó;

b. MB có quyền bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty đó;

c. MB có quyền quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó;

d. MB hoặc MB và người có liên quan của MB trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của công ty đó.

1.25. “Ngân hàng Nhà nước” có nghĩa là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

1.26. “Việt Nam” có nghĩa là Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Các tiêu đề tại Điều lệ được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới cấu trúc, nội dung của Điều lệ này.

3. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật các Tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn thi hành (nếu không mâu thuẫn với chủ thể và ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

Mục 2. Tên gọi, trụ sở, mục tiêu và nội dung hoạt động

Điều 2. Tên gọi, hình thức, trụ sở chính, đại diện theo pháp luật, mạng lưới hoạt động và thời gian hoạt động của MB

MB hoạt động theo Giấy phép hoạt động số 0054/NH-GP ngày 14 tháng 9 năm 1994 và các giấy phép, chấp thuận, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh, cấp đổi thay thế sau đó của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. MB có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam.

1. Tên của Ngân hàng:

Tên đầy đủ bằng tiếng Việt : Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội.

Tên gọi tắt bằng Tiếng Việt : Ngân hàng TMCP Quân đội.

Tên đầy đủ bằng tiếng Anh : Military Commercial Joint Stock Bank

Tên viết tắt : MB

2. Tên giao dịch: Ngân hàng Quân đội

3. Trụ sở chính tại: Số 18 Lê Văn Lương, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

4. Điện thoại: (84.24) 6266 1088 Fax: (84.24) 6266 1080

5. Website: www.mbbank.com.vn

6. MB được tổ chức dưới hình thức Công ty cổ phần.

MB có dấu riêng, tài khoản riêng mở tại Ngân hàng Nhà nước và tài khoản tiền gửi, tài khoản thanh toán ở trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật. MB có bảng cân đối tài sản và các quỹ theo quy định của pháp luật.

7. Hệ thống MB bao gồm:

7.1. Trụ sở chính.

7.2. Các đơn vị thuộc hệ thống mạng lưới hoạt động của MB bao gồm: Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, các hình thức hiện diện thương mại khác ở nước ngoài của MB; đơn vị mạng lưới khác (nếu có) phù hợp quy định của pháp luật.

7.3. Công ty thành viên của MB.

8. Các cơ quan quản lý và điều hành MB:

8.1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của MB.

8.2. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của MB, có toàn quyền nhân danh MB để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của MB không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

8.3. Ban kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu, thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định pháp luật, quy định nội bộ của MB, Điều lệ, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị MB.

8.4. Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, là người điều hành cao nhất của MB, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ, nhiệm vụ của mình. Giúp việc cho Tổng Giám đốc có (các) Phó Tổng Giám đốc, (các) thành viên Ban điều hành, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng, Người điều hành khác (nếu có) và các cá nhân, đơn vị chức năng thuộc MB.

9. Người đại diện theo pháp luật của MB là Chủ tịch Hội đồng quản trị.

10. Tổ chức chính trị - xã hội trong MB.

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong MB hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và các quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong MB hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật, Điều lệ và quy định của các tổ chức đó.

11. Thời hạn hoạt động của MB là 99 (chín mươi chín) năm kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước cấp giấy phép thành lập và hoạt động. MB có thể được gia hạn thời hạn hoạt động trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng cổ đông và được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

Điều 3. Mục tiêu, nội dung và định hướng hoạt động của MB

1. Mục tiêu hoạt động của MB là xây dựng, phát triển ngân hàng trở thành:

- Một ngân hàng thương mại đa năng hiện đại.
- Một trong những ngân hàng hoạt động an toàn, hiệu quả, uy tín nhất.
- Ngân hàng phục vụ tốt nhất cho các khách hàng Quân đội, khách hàng tổ chức và cá nhân.

2. Nội dung hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác được ghi trong giấy phép thành lập và hoạt động của MB. Các thay đổi nội dung hoạt động của MB được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản theo quy định của pháp luật.

3. MB hoạt động theo định hướng, mô hình Tập đoàn trên cơ sở phù hợp quy định pháp luật, gồm MB, các Công ty thành viên của MB ở trong nước, nước ngoài và các công ty có mối quan hệ liên kết nhằm mục tiêu tăng trưởng kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của MB

1. MB có quyền trong hoạt động kinh doanh phù hợp quy định của pháp luật, chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước và các quy định cụ thể tại Điều lệ này.

2. MB có quyền từ chối quan hệ tín dụng, các quan hệ kinh doanh khác nếu thấy không đủ điều kiện, không đem lại hiệu quả kinh tế, không có khả năng thu hồi vốn, hoặc các quan hệ này không phù hợp quy định pháp luật.

3. MB tự chủ về tài chính, bảo đảm chi phí và tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh, về sự tăng trưởng và bảo toàn vốn của MB.

4. MB có quyền tự chủ trong hoạt động kinh doanh, được lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh, được hợp tác, liên kết và các hình thức khác phù hợp quy định pháp luật với các tổ chức và cá nhân có liên quan để thực hiện các nội dung hoạt động của MB.

5. MB có quyền từ chối cung cấp thông tin khách hàng của MB và bí mật hoạt động kinh doanh của MB cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc được sự chấp thuận bằng văn bản của khách hàng theo quy định pháp luật.

6. MB được trao đổi thông tin với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về hoạt động của MB và hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; được Ngân hàng Nhà nước cung cấp thông tin của khách hàng phù hợp quy định pháp luật.

7. MB được tiến hành các hoạt động kinh doanh và hoạt động khác phù hợp quy định tại Điều lệ này, quy định pháp luật và hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

8. MB có quyền hoạt động, kinh doanh cả trong nước và nước ngoài.

9. MB thực hiện quyền và nghĩa vụ, nhiệm vụ phù hợp quy định pháp luật, văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

CHƯƠNG II. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA MB

Mục 1. Nội dung hoạt động chính

Điều 5. Hoạt động cấp tín dụng

MB được cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:

1. Cho vay.
2. Chiết khấu, tái chiết khấu.
3. Bảo lãnh ngân hàng.
4. Phát hành thẻ tín dụng.

5. Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế.
6. Thư tín dụng.
7. Hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 6. Hoạt động ngân hàng khác

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.

2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi.
3. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng trong nước và nước ngoài.
4. Cung ứng các phương tiện thanh toán.

5. Cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản sau đây:

5.1. Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, chuyển tiền, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ và các dịch vụ thanh toán khác phù hợp quy định pháp luật.

5.2. Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản; dịch vụ thanh toán khác theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

6. Các hoạt động ngân hàng khác phù hợp quy định pháp luật, giấy phép thành lập và hoạt động của MB, chấp thuận của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 7. Vay, gửi tiền, mua, bán giấy tờ có giá

1. MB được vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. MB được mua, bán giấy tờ có giá với Ngân hàng Nhà nước theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

3. MB được cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

4. MB được vay nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Mở tài khoản

1. MB mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước và duy trì số tiền dự trữ bắt buộc trên tài khoản này.

2. MB được mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.

3. MB được mở tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

Điều 9. Tổ chức và tham gia hệ thống thanh toán

1. MB được tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.

2. MB được tham gia hệ thống thanh toán quốc tế phù hợp quy định của pháp luật.

Điều 10. Hoạt động đầu tư, góp vốn, mua cổ phần

MB được thực hiện các hoạt động đầu tư, góp vốn, mua cổ phần trong nước và nước ngoài phù hợp quy định của Ngân hàng Nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan như sau:

1. Thành lập, mua lại, nhận chuyển giao công ty con, công ty liên kết và góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, tổ chức được phép khác trong và ngoài nước phù hợp quy định pháp luật.
2. MB đầu tư, liên doanh, liên kết, góp vốn, hợp tác đầu tư, phát triển các dự án phù hợp quy định của pháp luật.
3. Ủy thác và nhận ủy thác trong hoạt động đầu tư.
4. Các hoạt động đầu tư, góp vốn, mua cổ phần khác phù hợp với quy định pháp luật.

Điều 11. Nghiệp vụ ủy thác và đại lý, giao đại lý

1. MB được ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong hoạt động ngân hàng, giao đại lý thanh toán theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.
2. MB được thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 12. Kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối và sản phẩm phái sinh

1. MB được kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm sau đây:
 - 1.1. Ngoại hối.
 - 1.2. Phái sinh về lãi suất, ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác (bao gồm cả phái sinh giá cả hàng hóa theo quy định của Ngân hàng nhà nước).
2. Việc kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối cho khách hàng thực hiện theo quy định của pháp luật về ngoại hối.
3. MB được cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa theo quy định pháp luật.

Điều 13. Các hoạt động khác

1. MB thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước:
 - 1.1. Dịch vụ quản lý tiền mặt; dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.
 - 1.2. Cung ứng các dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ và các dịch vụ thanh toán khác không qua tài khoản.
 - 1.3. Mua, bán tín phiếu Ngân hàng Nhà nước, trái phiếu doanh nghiệp; mua, bán giấy tờ có giá khác, trừ mua, bán giấy tờ có giá quy định tại khoản 2.1 Điều này.

- 1.4. Dịch vụ môi giới tiền tệ.
- 1.5. Kinh doanh vàng.
- 1.6. Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán, thư tín dụng.
- 1.7. Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong giấy phép của MB.
- 1.8. Tham gia thị trường tiền tệ.
- 1.9. Mua, bán nợ.
- 1.10. Các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

2. MB được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây phù hợp quy định của pháp luật có liên quan:

- 2.1. Mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương.
- 2.2. Phát hành trái phiếu.
- 2.3. Lưu ký chứng khoán.
- 2.4. Nghiệp vụ ngân hàng giám sát; nghiệp vụ ngân hàng lưu ký.
- 2.5. Đại lý quản lý tài sản bảo đảm cho bên cho vay là tổ chức tài chính quốc tế, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
- 2.6. Các hoạt động khác phù hợp quy định của pháp luật có liên quan, văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. MB được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng ngoài các hoạt động quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, các hoạt động khác phù hợp quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật có liên quan.

Mục 2. Các quy định về hoạt động của MB

Điều 14. Áp dụng điều ước quốc tế và tập quán thương mại

1. MB áp dụng điều ước quốc tế có liên quan đến hoạt động ngân hàng mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia, phù hợp với hoạt động của MB và quy định pháp luật.
2. MB được thỏa thuận với khách hàng áp dụng tập quán thương mại quốc tế do Phòng Thương mại quốc tế ban hành hoặc tập quán thương mại khác không trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

Điều 15. Các hoạt động bằng phương tiện điện tử

MB được thực hiện các hoạt động bằng phương tiện điện tử phù hợp quy định pháp luật về giao dịch điện tử, quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và quy định nội bộ của MB.

Điều 16. Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát

1. MB được tham gia, triển khai cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng, lĩnh vực khác (nếu có) theo quy định pháp luật.



2. MB được tổ chức, triển khai cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong hoạt động theo quy định nội bộ của MB, phù hợp quy định pháp luật.

Điều 17. Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của MB

1. MB được quyền quy định và niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh.

2. MB và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của MB phù hợp quy định của pháp luật.

3. MB được miễn, giảm lãi, phí; gia hạn nợ; mua bán nợ, xuất toán khoản nợ, xóa nợ và các hình thức khác phù hợp quy định pháp luật.

Điều 18. Kinh doanh bất động sản

MB không được kinh doanh bất động sản, trừ các trường hợp sau đây:

1. Mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của MB.

2. Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh chưa sử dụng hết, thuộc sở hữu của MB.

3. Nắm giữ bất động sản do việc xử lý nợ trong thời hạn phù hợp quy định pháp luật.

Điều 19. Các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động

Trong quá trình hoạt động, MB tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; thực hiện phân loại tài sản có và trích lập dự phòng rủi ro để xử lý các rủi ro trong hoạt động ngân hàng phù hợp quy định pháp luật.

CHƯƠNG III. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU

Mục 1. Vốn điều lệ

Điều 20. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của MB tại thời điểm ban hành Điều lệ này là 80.549.999.090.000 VNĐ (Bằng chữ: Tám mươi nghìn năm trăm bốn mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, không trăm chín mươi nghìn đồng). Vốn điều lệ của MB được thay đổi và ghi nhận trong giấy phép thành lập và hoạt động của MB từng thời điểm.

2. Vốn điều lệ của MB được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VNĐ).

3. MB đảm bảo mức duy trì giá trị thực của vốn điều lệ không thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định của pháp luật.

4. Vốn điều lệ được sử dụng vào các mục đích phù hợp quy định pháp luật như sau:

4.1. Mua, đầu tư vào tài sản cố định của MB.

4.2. Góp vốn, mua cổ phần.

4.3. Thành lập, mua lại Công ty thành viên.

4.4. Thực hiện các hoạt động kinh doanh và hoạt động khác phù hợp quy định của pháp luật.

5. Tổng mức tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của các nhà đầu tư nước ngoài tại MB là 23,2351% vốn điều lệ của MB.

Điều 21. Thay đổi vốn điều lệ

1. Việc thay đổi vốn điều lệ của MB (tăng hoặc giảm) thực hiện trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

2. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận thay đổi vốn điều lệ thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước quy định pháp luật có liên quan.

3. Các hình thức tăng vốn điều lệ của MB:

3.1. Tăng từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, lợi nhuận để lại và các nguồn khác theo quy định pháp luật.

3.2. Chào bán cổ phần hoặc phát hành thêm cổ phần để tăng vốn.

3.3. Chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi đã phát hành thành cổ phiếu.

3.4. Thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu phát hành mới của MB.

3.5. Kết chuyển nguồn thặng dư vốn để bổ sung tăng vốn điều lệ.

3.6. Các hình thức khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định, phù hợp quy định pháp luật.

4. Các hình thức giảm vốn điều lệ:

4.1. MB mua lại cổ phiếu và giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị tính theo mệnh giá số cổ phiếu được MB mua lại.

4.2. Các hình thức khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Việc giảm vốn điều lệ của MB phải đảm bảo giá trị thực của vốn điều lệ không được thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định của pháp luật.

6. Sau khi đã thay đổi vốn điều lệ theo văn bản chấp thuận của các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, MB thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật về số vốn điều lệ mới. Số vốn điều lệ mới sau khi được thay đổi thay thế số vốn điều lệ quy định tại Khoản 1 Điều 20 Điều lệ này.

Mục 2. Cổ phần, cổ phiếu, trái phiếu

Điều 22. Cổ phần

1. Toàn bộ cổ phần của MB vào ngày ban hành Điều lệ này là cổ phần phổ thông.

2. Mỗi cổ phần của MB có mệnh giá là 10.000 đồng (*Bằng chữ: Mười nghìn đồng*). Số lượng cổ phần của MB bằng vốn điều lệ chia cho mệnh giá cổ phần. Tất cả các cổ phần của MB đều có quyền biểu quyết.

3. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu cổ phần này các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

4. Trường hợp cổ đông góp vốn bằng tài sản, thì phải là tài sản cần thiết phục vụ trực tiếp hoạt động kinh doanh của MB được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Việc định giá tài sản góp vốn, chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền sở hữu các tài sản này thực hiện phù hợp quy định pháp luật liên quan. Hội đồng quản trị có thẩm quyền quyết định việc thỏa thuận với người góp vốn về việc định giá hoặc thuê tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để xác định giá tài sản góp vốn vào MB và chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác đối với giá trị tài sản góp vốn.

Điều 23. Chào bán cổ phần

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức, giá chào bán cổ phần và các nội dung khác phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn mệnh giá cổ phần tại thời điểm chào bán, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Cổ phần của MB có thể được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản hợp pháp khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.

3. Trường hợp MB chào bán thêm cổ phần ra công chúng, chào bán cổ phần riêng lẻ hoặc phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu hoặc chào bán, phát hành khác để tăng vốn điều lệ thì thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và quy định pháp luật khác có liên quan.

4. Cổ đông có quyền chuyển quyền mua cổ phần của mình cho người khác theo quy định của pháp luật.

5. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của MB.

6. Hội đồng quản trị MB xác định điều kiện, thủ tục, hồ sơ mua cổ phần tại MB phù hợp với quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 24. Mua lại cổ phần

1. MB chỉ được mua lại cổ phần của cổ đông nếu sau khi thanh toán hết số tiền tương ứng với số cổ phần được mua lại vẫn bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng và giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định pháp luật.

2. Mua lại cổ phần theo quyết định của MB.

2.1. Việc MB mua lại cổ phần đã bán phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và đáp ứng các điều kiện theo quy định pháp luật.

2.2. Việc mua lại cổ phần theo quyết định của MB tại khoản này được miễn trừ điều kiện nếu pháp luật có quy định trong trường hợp: Mua lại cổ phần của người lao động theo quy chế do Hội đồng quản trị ban hành, mua lại cổ phần lẻ theo phương án phát hành cổ phần để trả cổ tức, phát hành cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và các trường hợp khác theo quy định pháp luật.

2.3. Trừ trường hợp mua lại cổ phần tương ứng với tỷ lệ sở hữu của các cổ đông trong MB hoặc mua lại cổ phần theo bản án, quyết định của Tòa án hoặc của Trọng tài đã có hiệu lực pháp luật hoặc mua lại cổ phần thông qua giao dịch thực hiện theo phương thức khốp lệnh, MB không được mua lại cổ phần của các đối tượng sau đây:

- a. Người nội bộ của MB và người có liên quan của người nội bộ của MB theo quy định của Luật Chứng khoán;
- b. Người sở hữu cổ phần có hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và Điều lệ MB;
- c. Cổ đông lớn của MB theo quy định của Luật Chứng khoán.

3. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại.

3.1. MB chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, MB vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng, giá trị thực của vốn điều lệ không được thấp hơn mức vốn pháp định và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật. Việc MB mua lại cổ phần của chính mình phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện nếu dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của MB.

3.2. MB làm thủ tục giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị tính theo mệnh giá số cổ phần được MB mua lại, trừ các trường hợp mua lại cổ phần mà không phải giảm vốn điều lệ phù hợp quy định pháp luật. MB được bán ra cổ phần ngay sau khi mua lại trong các trường hợp phù hợp quy định pháp luật theo quyết định của Hội đồng quản trị.

3.3. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của MB giảm hơn 10% (mười phần trăm) thì MB phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 25. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả cổ phần đều được tự do chuyển nhượng trừ trường hợp Điều lệ này và pháp luật có quy định khác hoặc theo các cam kết, thỏa thuận bằng văn bản của cổ đông phù hợp với quy định pháp luật.

2. Hội đồng quản trị xác định các điều kiện, trình tự, thủ tục chuyển nhượng cổ phần phù hợp với Điều lệ này và các quy định của pháp luật. Việc chuyển nhượng cổ phần được thực hiện bằng hợp đồng hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện theo ủy quyền của các bên ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi các thông tin của người nhận chuyển nhượng được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông theo quy định của Điều lệ này và pháp luật doanh nghiệp.

3. Việc chuyển nhượng cổ phần dẫn đến trở thành cổ đông lớn của MB phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi nhận chuyển nhượng. Cổ đông, người mua, người nhận chuyển nhượng cổ phần của MB có trách nhiệm phối hợp với MB theo Khoản 3 Điều 35 Điều lệ này.

4. Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện phần vốn góp tại MB là Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc của MB không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.

5. Trong thời gian đang xử lý các hậu quả do trách nhiệm cá nhân theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước, các Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ một trong các trường hợp sau đây:

5.1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, phá sản theo quy định pháp luật.

5.2. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc bị buộc chuyển nhượng cổ phần theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

5.3. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc chuyển nhượng cổ phần cho các nhà đầu tư khác nhằm thực hiện phương án phục hồi, phương án chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp, phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.

6. Việc chuyển nhượng cổ phần niêm yết của MB được thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 26. Thừa kế cổ phần

1. Việc thừa kế cổ phần thực hiện theo quy định của Điều lệ này, pháp luật về thừa kế và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Sau khi xuất trình đầy đủ các giấy tờ chứng minh quyền thừa kế hợp pháp và thực hiện các thủ tục theo quy định pháp luật về thừa kế, người thừa kế thực hiện việc nhận thừa kế đối với cổ phần được thừa kế theo quy định của pháp luật và trở thành cổ đông của MB, được hưởng các quyền và nghĩa vụ của cổ đông mà họ được thừa kế phù hợp với quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

3. Người thừa kế cổ phần của các Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Người quản lý và các chức danh khác tại MB được sở hữu cổ phần để trở thành cổ đông của MB nhưng không được thừa kế quyền làm Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Người quản lý và các chức danh khác tại MB.

Điều 27. Tỷ lệ sở hữu cổ phần

1. Một cổ đông là cá nhân không được sở hữu vượt quá 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ của MB.

2. Một cổ đông là tổ chức không được sở hữu cổ phần vượt quá 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ của MB, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này.

3. Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần vượt quá 15% (mười lăm phần trăm) vốn điều lệ của MB, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này. Cổ đông lớn của MB và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ trở lên của một tổ chức tín dụng khác.

4. Tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này bao gồm cả số cổ

phần sở hữu gián tiếp. Tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại khoản 3 Điều này bao gồm cả cổ phần do cổ đông ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần và không bao gồm sở hữu cổ phần của người có liên quan là công ty con của cổ đông đó theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều 4 Luật các Tổ chức tín dụng.

5. Tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của một cổ đông lớn, một cổ đông và người có liên quan thuộc trường hợp quy định tại khoản 11 Điều 210 Luật các Tổ chức tín dụng được thực hiện theo quy định pháp luật.

6. Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài tại MB không vượt quá mức tối đa theo quy định pháp luật. Trong quá trình hoạt động, Đại hội đồng cổ đông quyết định điều chỉnh tổng mức sở hữu cổ phần tối đa của các nhà đầu tư nước ngoài tại MB phù hợp quy định pháp luật.

Điều 28. Sổ đăng ký cổ đông

1. Sổ đăng ký cổ đông được lập và lưu giữ dưới dạng văn bản, dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này. Sổ đăng ký cổ đông phải có những nội dung chủ yếu sau đây:

- 1.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính của MB.
- 1.2. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
- 1.3. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp.
- 1.4. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức.
- 1.5. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

2. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của MB hoặc các tổ chức khác được MB chỉ định. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép thông tin trong sổ đăng ký cổ đông theo quy định pháp luật, trong giờ làm việc theo quy định của MB hoặc của các tổ chức được MB chỉ định.

3. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với MB hoặc tổ chức được MB chỉ định để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. MB không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không nhận được thông báo kịp thời về việc thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.

Điều 29. Cổ phiếu

1. Cổ phiếu của MB có thể được chuyển nhượng, tặng cho và thừa kế theo quy định của pháp luật.

2. Cổ phiếu của MB được lưu ký tập trung tại Tổng công lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trước khi thực hiện giao dịch, trừ trường hợp khác theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Cổ phiếu của MB bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- 3.1. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của MB.
- 3.2. Số lượng cổ phần và loại cổ phần.

3.3. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu.

3.4. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức.

3.5. Các nội dung khác theo quy định pháp luật.

4. MB có thể cấp cho cổ đông giấy chứng nhận quyền sở hữu cổ phần hoặc cách thức khác phù hợp quy định pháp luật để ghi nhận số cổ phần cổ đông sở hữu. Trường hợp có sai sót do lỗi của MB trong nội dung và hình thức cổ phiếu do MB phát hành thì quyền của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng.

5. Việc công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu của MB thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật về chứng khoán.

6. Cổ phiếu của MB không được dùng để bảo đảm tại chính MB.

Điều 30. Phát hành trái phiếu

MB được phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền và các loại trái phiếu khác như sau:

1. Phù hợp quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Đối với trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền:

2.1. Phương án phát hành và sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán đối với trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thực hiện các thủ tục phù hợp quy định pháp luật.

2.2. Trên cơ sở phương án phát hành và sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị quyết định cụ thể về phương thức phát hành, thời điểm phát hành, thời hạn chuyển đổi trái phiếu, tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu, biên độ biến động giá cổ phiếu, mục đích sử dụng nguồn thu từ phát hành trái phiếu chuyển đổi, các quyền và nghĩa vụ của người sở hữu trái phiếu và các nội dung khác phù hợp quy định của pháp luật. Việc công bố, công khai thông tin liên quan đến phát hành, chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền thực hiện theo quy định pháp luật.

2.3. Thủ tục, hồ sơ đề nghị phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định pháp luật liên quan.

3. Đối với trái phiếu khác quy định tại khoản 2 Điều này:

3.1. Hội đồng quản trị được thông qua một, một số hoặc tất cả các nội dung sau đây liên quan đến từng hình thức chào bán, phát hành trái phiếu trên cơ sở phù hợp quy định pháp luật hiện hành:

a. Phương án phát hành, phương án sử dụng vốn và trả nợ và các nội dung khác liên quan đến chào bán trái phiếu ra công chúng;

b. Phương án phát hành, chào bán và sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán, tiêu chí, số lượng, nhà đầu tư và các nội dung khác có liên quan đến chào bán trái phiếu riêng lẻ;

c. Phương án phát hành trái phiếu và các nội dung khác liên quan đến phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế;

d. Việc niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán và các nội dung cần thiết khác (nếu có).

3.2. Thủ tục chào bán trái phiếu riêng lẻ, chào bán trái phiếu ra công chúng và phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế thực hiện phù hợp quy định pháp luật.

CHƯƠNG IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT MB

Mục 1. Cơ cấu tổ chức quản lý

Điều 31. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của MB bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát.
4. Tổng Giám đốc.

Mục 2. Cổ đông và Đại hội đồng cổ đông

Điều 32. Cổ đông

1. MB có tối thiểu 100 (một trăm) cổ đông, trong đó có cổ đông là tổ chức (cổ đông tổ chức) và cổ đông là cá nhân (cổ đông cá nhân) theo quy định của pháp luật. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các cổ đông phải đảm bảo theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam hoặc cá nhân mang quốc tịch Việt Nam sở hữu cổ phần và trở thành cổ đông của MB phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật và không thuộc các trường hợp bị cấm theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Tổ chức, cá nhân nước ngoài được mua cổ phần của MB và trở thành cổ đông của MB khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định pháp luật, quy định của MB và tuân thủ Điều lệ này.

2. Loại cổ đông:

2.1. MB có cổ đông sáng lập và cổ đông phổ thông.

2.2. Cổ đông sáng lập là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần.

Điều 33. Đại diện cổ đông

1. Đại diện cổ đông tổ chức là đại diện hợp pháp của tổ chức đó. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ này và quy định pháp

luật. Trường hợp cổ đông tổ chức cử nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần của mỗi người đại diện.

Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền được lập theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật, phải được thông báo cho MB và chỉ có hiệu lực đối với MB kể từ ngày MB nhận được văn bản. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

1.1. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông.

1.2. Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ sở hữu cổ phần tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền.

1.3. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân từng người đại diện theo ủy quyền.

1.4. Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền, trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện.

1.5. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông.

2. Trong phạm vi pháp luật và Điều lệ này cho phép, cổ đông cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của cổ đông tổ chức có thể tự mình hoặc ủy quyền hợp pháp bằng văn bản cho người khác để nhân danh cổ đông đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Người đại diện theo ủy quyền phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Việc cổ đông cử người đại diện hoặc thay thế người đại diện tại MB phải được lập thành văn bản, có chữ ký của người ủy quyền (đối với cổ đông cá nhân), hoặc người đại diện theo pháp luật của tổ chức (đối với cổ đông tổ chức) và gửi cho MB theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

4. Trường hợp cá nhân nhận thừa kế cổ phần hoặc tổ chức được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp, nhận chuyển giao, kế thừa cổ phần, quyền và nghĩa vụ của cổ đông (khi cổ đông tổ chức bị hợp nhất, sáp nhập hoặc các hình thức khác theo quy định pháp luật), thì cá nhân, tổ chức đó phải gửi MB các văn bản pháp lý, giấy tờ chứng minh việc được nhận thừa kế, được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp đó. Hội đồng quản trị căn cứ các quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật để giải quyết các vấn đề về cổ đông, người đại diện và cổ phần.

Điều 34. Quyền của Cổ đông

1. Cổ đông có các quyền sau:

1.1. Tham dự và phát biểu ý kiến trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.

1.2. Nhận cổ tức theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

1.3. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của mỗi cổ đông tại MB phù hợp quy định pháp luật.

1.4. Chuyển nhượng cổ phần, quyền mua cổ phần cho cổ đông khác của MB hoặc tổ chức, cá nhân khác theo quy định tại Điều lệ MB, quy định của pháp luật.

1.5. Xem, tra cứu, trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình.

1.6. Xem, tra cứu, trích lục, sao chụp Điều lệ của MB, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

1.7. Ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều lệ MB, Quy chế quản trị nội bộ của MB; người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình.

1.8. Khi MB giải thể hoặc phá sản, được chia phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần sở hữu tại MB theo quy định pháp luật.

1.9. Ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Điều lệ này.

1.10. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần của MB trở lên có quyền:

2.1. Ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này, phù hợp quy định pháp luật. Hồ sơ, danh sách ứng cử viên phải được gửi đến Hội đồng quản trị MB theo thời hạn, hình thức, thủ tục do Hội đồng quản trị MB quyết định. Số lượng ứng cử viên ứng cử, đề cử như sau:

a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) trở lên đến 14,5% (mười bốn phẩy năm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của MB được ứng cử, đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên.

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ trên 14,5% (mười bốn phẩy năm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của MB được ứng cử, đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên.

2.2. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông của MB có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị MB vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của cổ đông tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của MB, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có đầy đủ các tài liệu, chứng cứ hợp pháp về vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

4. Cổ đông sáng lập của MB ngoài các quyền của cổ đông phổ thông còn có các

quyền sau:

4.1. Được giữ "Danh hiệu Cổ đông sáng lập" trong suốt thời gian là cổ đông MB. Danh hiệu Cổ đông sáng lập gắn liền với nhân thân cổ đông.

4.2. Danh hiệu cổ đông sáng lập và quyền ứng cử chức danh Thành viên Hội đồng quản trị không được chuyển nhượng, thừa kế, cho tặng, chuyển giao dưới mọi hình thức.

Điều 35. Nghĩa vụ của Cổ đông

1. Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1.1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số tiền tương ứng với số cổ phần cam kết mua trong thời hạn do MB quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của MB trong phạm vi vốn cổ phần đã góp vào MB.

1.2. Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi MB dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của MB, trừ trường hợp được MB hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ số vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của MB trong phạm vi giá trị vốn cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

1.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và MB về tính hợp pháp của nguồn vốn mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại MB; không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng, nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của MB; không được mua cổ phần của MB dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật.

1.4. Tuân thủ Điều lệ và các quy định nội bộ của MB.

1.5. Chấp hành các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

1.6. Chịu trách nhiệm khi nhân danh MB dưới mọi hình thức để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, tiến hành kinh doanh, giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

1.7. Chịu trách nhiệm về tính xác thực của mọi thông tin cung cấp cho MB.

1.8. Bảo mật các thông tin được MB cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; không được phát tán hoặc sao, gửi thông tin được MB cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

1.9. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp cho MB thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư; trong trường hợp MB phát hiện ra chủ sở hữu thực sự, MB có quyền đình chỉ quyền cổ đông của các cổ đông nhận ủy thác đầu tư trong trường hợp cổ đông này không cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ, không chính xác về chủ sở hữu thực sự các cổ phần.

3. Cổ đông, người mua, người nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến trở thành cổ đông lớn của MB có trách nhiệm phối hợp với MB để thực hiện đầy đủ các điều kiện, thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và đề nghị của MB.

4. Cổ đông sở hữu từ 01% (một phần trăm) vốn điều lệ trở lên của MB phải cung cấp cho MB các thông tin sau đây:

4.1. Họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp của cổ đông là người nước ngoài; số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương của cổ đông tổ chức; ngày cấp, nơi cấp của giấy tờ này.

4.2. Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin.

4.3. Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.

4.4. Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình tại MB.

4.5. Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của người có liên quan của mình tại MB.

5. Cổ đông quy định tại khoản 4 Điều này có trách nhiệm gửi cho MB bằng văn bản cung cấp thông tin lần đầu và khi có thay đổi các thông tin tại khoản 4 Điều này trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin. Đối với thông tin tại điểm 4.4 và điểm 4.5 khoản 4 Điều này, cổ đông chỉ phải cung cấp thông tin cho MB khi có mức thay đổi về tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông, tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông và người có liên quan từ 01% (một phần trăm) vốn điều lệ trở lên của MB so với lần cung cấp liền trước. Việc niêm yết, lưu giữ, công bố, công khai thông tin của cổ đông sở hữu từ 01% (một phần trăm) vốn điều lệ trở lên của MB và người có liên quan của cổ đông đó tại MB thực hiện như sau:

5.1. MB niêm yết, lưu giữ thông tin quy định tại khoản 4 Điều này tại trụ sở chính của MB và gửi báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày MB nhận được thông tin cung cấp.

5.2. Định kỳ hằng năm, MB công bố thông tin tại điểm 4.1, điểm 4.4 và điểm 4.5 khoản 4 Điều này với Đại hội đồng cổ đông MB theo quy định pháp luật.

5.3. MB công bố công khai thông tin về họ và tên cá nhân, tên tổ chức là cổ đông sở hữu từ 01% (một phần trăm) vốn điều lệ trở lên của MB và thông tin quy định tại điểm 4.4 và điểm 4.5 khoản 4 Điều này trên trang thông tin điện tử của MB theo quy định của pháp luật.

6. Cổ đông có nghĩa vụ rà soát, xác định đầy đủ, kịp thời các thông tin phải cung cấp theo quy định tại khoản 4 Điều này để:

6.1. Bảo đảm tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông, cổ đông và người có liên quan theo quy định tại Điều lệ này, quy định pháp luật và chịu trách nhiệm trong trường hợp cổ đông và người có liên quan của cổ đông vi phạm quy định.

6.2. Bảo đảm cung cấp thông tin trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và chịu trách nhiệm về việc cung cấp thông tin đó.

7. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 36. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của MB, gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm 01 (một) lần, trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, phù hợp quy định pháp luật và văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

3. Đại hội đồng cổ đông thường niên được Hội đồng quản trị triệu tập và tổ chức tại Việt Nam; địa điểm cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định căn cứ vào tình hình thực tế. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Hội đồng quản trị mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của MB tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của MB có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, phù hợp quy định pháp luật.

4. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

4.1. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của MB.

4.2. Khi số Thành viên Hội đồng quản trị hoặc số Thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật.

4.3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại khoản 3 Điều 34 Điều lệ này.

4.4. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

4.5. Quyết định nội dung theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của MB.

4.6. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

5. Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được một trong các yêu cầu hoặc ngày xảy ra một trong các sự kiện nêu tại khoản 4 Điều này.

6. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, thì trong vòng 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát sẽ triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm 4.3 khoản 4 của Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

7. Tất cả các chi phí cần thiết để triệu tập, tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông sẽ do MB thanh toán vì mục đích rõ ràng, các chi phí đó sẽ không bao gồm chi phí mà cổ đông phải chịu để tham dự Đại hội đồng cổ đông hoặc gửi ý kiến như chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí liên quan khác.

Điều 37. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:

1.1. Thông qua định hướng phát triển của MB.

1.2. Thông qua Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ MB.

1.3. Thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.

1.4. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát phù hợp với các điều kiện và tiêu chuẩn quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.

1.5. Quyết định tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác hàng năm đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

1.6. Xem xét và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho MB và cổ đông của MB.

1.7. Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý của MB.

1.8. Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán.

1.9. Thông qua phương án mua lại cổ phần đã bán.

1.10. Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi.

1.11. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của MB.

1.12. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

1.13. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của MB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so với vốn điều lệ của MB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.

1.14. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của MB mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên của MB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.

1.15. Thông qua các hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên của MB ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất giữa MB với Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cổ

đồng lớn của MB; người có liên quan của Người quản lý, Thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của MB; Công ty thành viên, công ty liên kết của MB, trừ trường hợp ngân hàng thương mại đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc.

1.16. Quyết định thành lập hoặc chuyển đổi các hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài, Công ty thành viên của MB.

1.17. Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản MB.

1.18. Quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng.

1.19. Thông qua phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng.

1.20. Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của MB.

1.21. Các quyền hạn, nghĩa vụ và nhiệm vụ phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ này.

Điều 38. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Tất cả các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông có quyền được tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, phù hợp quy định pháp luật. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức có thể trực tiếp tham dự, biểu quyết hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số người khác tham dự, biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ MB, hoặc tham dự và biểu quyết thông qua các hình thức phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ này. Người được ủy quyền không nhất thiết là cổ đông của MB, không được ứng cử với tư cách của chính mình và phải thực hiện các nghĩa vụ, trách nhiệm của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc ủy quyền tham dự, biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được thông báo bằng văn bản đến MB trong thời hạn tối thiểu 05 (năm) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Việc ủy quyền cho người đại diện tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Việc ủy quyền có thể được thực hiện bằng văn bản giấy, bằng phương tiện điện tử hoặc các hình thức khác phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ này; Hội đồng quản trị quyết định cách thức, phương thức thực hiện và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của MB để các cổ đông biết và thực hiện. Văn bản ủy quyền phải có chữ ký theo quy định sau đây:

3.1. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì văn bản ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền tham dự, biểu quyết tại cuộc họp.

3.2. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Điều lệ này.

3.3. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền tham dự, biểu quyết tại cuộc họp.

3.4. Người được ủy quyền tham dự, biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi tham dự họp.

4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền tham dự, biểu quyết tại cuộc họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực trong các trường hợp sau đây:

4.1. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.

4.2. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc ủy quyền.

4.3. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

4.4. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.

5. Quy định tại khoản 4 Điều này không áp dụng trong trường hợp MB nhận được thông báo bằng văn bản (kèm tài liệu chứng minh) về một trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này trước giờ khai mạc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

6. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

6.1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.

6.2. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

6.3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức họp trực tiếp kết hợp với hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; hoặc các hình thức kết hợp khác.

6.4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

6.5. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện điện tử khác, tham dự và biểu quyết thông qua hình thức khác theo quy định tại Quy chế quản trị nội bộ MB.

7. Việc tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo các hình thức, phương tiện quy định tại Điều lệ này và cách thức thực hiện do Hội đồng quản trị quyết định, phù hợp quy định pháp luật và văn bản của các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền; và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của MB để các cổ đông biết và thực hiện.

Điều 39. Danh sách cổ đông có quyền dự họp

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của MB. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông đã lưu ký chứng khoán thì danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo quy định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, phù hợp quy định pháp luật.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông tổ chức; số lượng cổ phần mỗi loại của từng cổ đông, mã số cổ đông hoặc mã số lưu ký

chứng khoán theo quy định của đơn vị quản lý cổ đông được chỉ định và các thông tin khác theo quy định pháp luật.

3. Mỗi cổ đông đều có quyền được cung cấp các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc của mình được ghi trong danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật.

4. Cổ đông có quyền yêu cầu người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sửa đổi những thông tin sai lệch, không chính xác hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng theo quy định pháp luật và hướng dẫn của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

Điều 40. Thông báo mời họp, Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông thực hiện những công việc sau:

1.1. Lập danh sách các cổ đông có quyền dự họp theo quy định tại Điều 39 của Điều lệ này, chương trình và nội dung cuộc họp; chuẩn bị các tài liệu cho cuộc họp.

1.2. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông.

1.3. Thông báo cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp về họp Đại hội đồng cổ đông và gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông cho các cổ đông.

1.4. Các công việc khác phù hợp quy định pháp luật.

2. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin hợp lý về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông và các nội dung bắt buộc khác theo quy định của pháp luật. Thông báo mời họp và tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông được gửi bằng phương thức bảo đảm và/hoặc bằng các phương thức điện tử hoặc phương thức khác để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông đã đăng ký với MB (bao gồm một trong các phương thức như gửi thư điện tử, tin nhắn, thư qua đường bưu điện hoặc các phương thức phù hợp khác theo quy định của MB từng thời kỳ) và đăng tải trên trang thông tin điện tử của MB. Việc gửi thông báo mời họp bằng các phương thức điện tử nêu trên và cách thức thực hiện do Hội đồng quản trị quyết định, phù hợp quy định pháp luật và văn bản của các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền (nếu có). Thông báo mời họp và tài liệu phải được gửi đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Thông báo về Đại hội đồng cổ đông được đăng trên trang thông tin điện tử của MB đồng thời với việc gửi thông báo mời họp và tài liệu cho các cổ đông. Việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của MB, và thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

3. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông có thể gửi đến tổ chức lưu ký; việc công bố thông tin về họp Đại hội

đồng cổ đông thực hiện theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên của MB có quyền kiến nghị các vấn đề cần đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến MB chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp, kèm theo là tài liệu hợp pháp chứng minh quyền được kiến nghị của người kiến nghị.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau đây:

5.1. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung.

5.2. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

5.3. Những vấn đề không phù hợp với quy định tại Điều lệ MB và không phù hợp với các quy định của pháp luật.

5.4. Người kiến nghị không xuất trình đủ các tài liệu hợp pháp chứng minh quyền được kiến nghị cho MB.

5.5. Những vấn đề không phù hợp với mục tiêu, định hướng và nội dung hoạt động của MB; hoặc liên quan đến bí mật nhà nước, bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của MB và các cá nhân, tổ chức khác; hoặc các nội dung không được công bố, công khai theo quy định của pháp luật.

5.6. Các trường hợp khác mà Hội đồng quản trị đánh giá có khả năng ảnh hưởng bất lợi đến quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, lợi ích chung của MB.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

7. Hội đồng quản trị chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 41. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của MB.

2. Trường hợp, cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này trong vòng 120 (một trăm hai mươi) phút kể từ thời điểm dự định họp thì Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc.

Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông và những người được ủy quyền dự họp đại diện ít nhất 33% (ba mươi ba phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của MB.

3. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này trong vòng 120 (một trăm hai mươi) phút kể từ thời điểm dự định họp, thì Đại hội đồng cổ đông lần ba được triệu tập họp trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc.

Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể quyết định. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát hoặc các cổ đông khác có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông với tư cách quan sát viên, nếu không tham dự họp với tư cách cổ đông, để giám sát quá trình tổ chức và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông được triệu tập lần thứ ba.

4. Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp quy định tại Điều lệ này.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để trả lời câu hỏi của cổ đông (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban kiểm soát báo cáo bằng văn bản với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Điều 42. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, cổ đông phải thực hiện đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông và MB thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách sử dụng thẻ biểu quyết hoặc hình thức khác theo quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông; cuối cùng kiểm phiếu tập họp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa cuộc họp công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

3. Cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông để cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các nội dung đã được biểu quyết trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không thay đổi hoặc bị ảnh hưởng.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho Thành viên Hội đồng quản trị khác làm Chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các Thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu 01 người trong số họ làm Chủ tọa theo nguyên tắc đa số; trường hợp không có người có thể làm Chủ tọa theo phương thức trên thì Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu ra Chủ tọa trong số những người đến dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa.

5. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp, lập biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Chủ tọa đề cử người vào ban kiểm phiếu để Đại hội đồng cổ đông thông qua.

6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

6.1. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp.

6.2. Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự hoặc có phát sinh nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách an toàn, công bằng và hợp pháp.

6.3. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày cuộc họp dự kiến khai mạc.

7. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực đối với các nội dung được biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

8. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể tiến hành các hoạt động mà Chủ tọa thấy cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

9. Người triệu tập họp hoặc Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Người triệu tập họp hoặc Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, người triệu tập họp hoặc Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên ra khỏi cuộc họp.

10. Người triệu tập họp hoặc Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Người triệu tập họp hoặc Chủ tọa cuộc họp cho là thích hợp để:

10.1. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông.

10.2. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó.

10.3. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Người triệu tập họp hoặc Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc phương thức, hình thức khác.

11. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông gửi thông báo mời họp và xác định địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Chủ tọa có thể xem xét, quyết định:

11.1. Thông báo rằng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của Đại hội”).

11.2. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không thể tham dự, biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được theo điểm 11.1 khoản 11 Điều này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của Đại hội có thể tham dự họp Đại hội đồng cổ đông (nếu cần thiết và phù hợp tình hình thực tế) thông qua hình thức họp trực tiếp kết hợp trực tuyến tại các địa điểm họp khác Địa điểm chính của Đại hội.

Thông báo về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều này.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác hoặc Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác), mọi cổ đông tham dự họp theo khoản 11 Điều này sẽ được coi là tham dự họp Đại hội đồng cổ đông ở Địa điểm chính của Đại hội.

13. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có thể quyết định hình thức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến hoặc hình thức họp khác với quy định tại Điều này. Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ áp dụng các biện pháp công nghệ để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, biểu quyết thông qua bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc các hình thức điện tử khác. Hội đồng quản trị ban hành quy chế về việc tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, biểu quyết thông qua hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc các hình thức điện tử khác.

Điều 43. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

2. Các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% (một trăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định pháp luật và Điều lệ này. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông MB theo quy định tại Điều 46 Điều lệ này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông hoặc đăng tải lên trang thông tin điện tử của MB trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nghị quyết, quyết định được thông qua.

4. Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề quy định tại các điểm 1.1; điểm 1.4; điểm 1.6; điểm 1.17 khoản 1 Điều 37 phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo quy định sau đây:

5.1. Trừ trường hợp quy định tại điểm 5.2, điểm 5.3 và điểm 5.4 khoản 5 Điều này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận hoặc khi được số cổ đông đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản.

5.2. Đối với quyết định về nội dung quy định tại điểm 1.8 và điểm 1.14 khoản 1 Điều 37 Điều lệ này thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận hoặc khi được số cổ đông đại diện trên 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản.

5.3. Đối với quyết định về nội dung quy định tại điểm 1.17 khoản 1 Điều 37 Điều lệ này thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

5.4. Việc bầu Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban kiểm soát phải được thực hiện dưới hình thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Người trúng cử Thành viên Hội đồng quản trị hoặc Thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí tại quy chế bầu cử. Trường hợp sau lượt bầu thứ nhất mà chưa đủ số lượng Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát dự kiến thì Đại hội đồng cổ đông tiếp tục bầu cho đến khi đủ số lượng dự kiến hoặc thực hiện theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 44. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông thực hiện phù hợp quy định tại Luật Doanh nghiệp, cụ thể:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của MB. Việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời của cổ đông để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông có thể được thực hiện thông qua hình thức gửi thư giấy, fax, thư điện tử, hình thức điện tử khác hoặc kết hợp các hình thức theo quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định phải được gửi bằng phương thức bảo đảm và/hoặc bằng các phương thức điện tử, phương thức khác để bảo đảm đến

được địa chỉ liên lạc của cổ đông đã đăng ký với MB (bao gồm một hoặc một số phương thức như gửi thư điện tử, tin nhắn, thư giấy qua đường bưu điện hoặc các phương thức phù hợp khác theo quy định của MB từng thời kỳ) và đăng tải trên trang thông tin điện tử của MB.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

3.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của MB.

3.2. Mục đích lấy ý kiến.

3.3. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.

3.4. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định.

3.5. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

3.6. Thời hạn phải gửi về MB phiếu lấy ý kiến đã được trả lời.

3.7. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị của MB.

4. Trường hợp phiếu lấy ý kiến đã trả lời gửi đến MB bằng hình thức gửi thư giấy mời, fax hoặc thư điện tử:

4.1. Trường hợp gửi thư giấy, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về MB phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về MB sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

4.2. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử hoặc các phương thức điện tử khác, phương thức kết hợp khác, phiếu lấy ý kiến gửi về MB phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

4.3. Các phiếu lấy ý kiến gửi về MB sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư giấy và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử, các phương thức điện tử hoặc phương thức kết hợp khác là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị tổ chức việc kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Thành viên Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý tại MB.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

5.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số giấy phép thành lập và hoạt động của MB.

5.2. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định.

5.3. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết.

5.4. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề.

5.5. Các quyết định đã được thông qua.

5.6. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị của MB và của người giám sát kiểm phiếu, người kiểm phiếu.

Các Thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của MB, phù hợp quy định pháp luật về chứng khoán.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của MB.

8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 45. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của MB, phù hợp quy định pháp luật về chứng khoán. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký của Chủ tọa và Thư ký và được thông qua trước khi kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung Biên bản. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của MB phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ này.

2. Các nội dung của biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

- Tên, địa chỉ, trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của MB.
- Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.
- Chương trình và nội dung cuộc họp.
- Chủ tọa và Thư ký.
- Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

- Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng.

- Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng.

- Họ tên, chữ ký của Chủ tọa và Thư ký cuộc họp.

- Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả Thành viên Hội đồng quản trị khác tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp.

3. Trong vòng 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp hoặc từ ngày kết thúc kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, tất cả các quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được gửi đến Ngân hàng Nhà nước theo quy định pháp luật.

Điều 46. Yêu cầu hủy bỏ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên của MB có quyền yêu cầu Toà án xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Điều lệ này và quy định pháp luật, trừ trường hợp khác theo quy định pháp luật.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm quy định pháp luật hoặc Điều lệ này.

Mục 3. Điều khoản chung về Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Điều 47. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn chung

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị MB, có toàn quyền nhân danh MB để quyết định và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của MB, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Ban kiểm soát thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị MB.

3. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất của MB, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày và các hoạt động hàng ngày khác của MB. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc của MB phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận trước khi bầu, bổ nhiệm các chức danh này theo quy định của pháp luật.

Điều 48. Những người không được là Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, thành viên Ban điều hành của MB và các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ khác

1. Những người sau đây không được là Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và thành viên Ban điều hành của MB:

1.1. Người chưa thành niên; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.

1.2. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.

1.3. Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên.

1.4. Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xoá án tích.

1.5. Cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên tại MB hoặc được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát MB theo yêu cầu nhiệm vụ.

1.6. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên tại MB và các trường hợp khác phù hợp quy định pháp luật.

1.7. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

1.8. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng Giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã đó bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ.

1.9. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại

Điều 47 Luật các Tổ chức tín dụng hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép.

1.10. Người có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của MB, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 69 Luật các Tổ chức tín dụng.

1.11. Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

1.12. Không đảm bảo tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp, trình độ chuyên môn và năng lực quản lý, điều hành, kiểm soát MB theo quy định của MB và/hoặc Ngân hàng Nhà nước.

1.13. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Những người sau đây không được là Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Tổng Giám đốc (Giám đốc) Công ty thành viên của MB:

2.1. Người chưa thành niên người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.

2.2. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.

2.3. Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên.

2.4. Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích.

2.5. Cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên tại MB hoặc được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát MB theo yêu cầu nhiệm vụ.

2.6. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên tại MB.

2.7. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật.

3. Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc MB và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng hoặc Giám đốc tài chính hoặc người phụ trách tài chính khác của MB.

Điều 49. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Thành viên Hội đồng quản trị của MB không được đồng thời đảm nhiệm chức vụ thuộc một trong các trường hợp sau:

1.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị của MB không được đồng thời là Người điều hành của MB, Thành viên Ban kiểm soát của MB; người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác; người quản lý doanh nghiệp khác.

1.2. Thành viên Hội đồng quản trị không phải là Thành viên độc lập của MB không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau:

a. Người điều hành của MB, trừ trường hợp là Tổng Giám đốc của MB;

b. Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành Công ty thành viên của MB hoặc của công ty mẹ của MB hoặc trường hợp thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;

c. Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.

1.3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của MB không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau:

a. Người điều hành của MB;

b. Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác; người quản lý trên 02 doanh nghiệp khác;

c. Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.

2. Thành viên Ban kiểm soát của MB không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành, nhân viên của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt:

2.1. Người quản lý của MB, Người điều hành của MB; người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác; nhân viên của MB hoặc Công ty thành viên của MB.

2.2. Nhân viên của doanh nghiệp mà Thành viên Hội đồng quản trị của MB là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó.

3. Tổng Giám đốc MB, Phó Tổng Giám đốc MB và các thành viên Ban điều hành của MB không được đồng thời là người quản lý, người điều hành, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác, trừ trường hợp Phó Tổng giám đốc và các thành viên Ban điều hành là người quản lý, người điều hành của Công ty thành viên của MB.

4. Người quản lý, Người điều hành và chức danh khác của MB được bầu, bổ nhiệm trước ngày 01/07/2024 được áp dụng quy định tại khoản 8 Điều 210 Luật các Tổ chức tín dụng.

Điều 50. Đương nhiên mất tư cách

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc đương nhiên mất tư cách nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1.1. Chết.

1.2. Thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 48 Điều lệ này.

1.3. Là người đại diện phần vốn góp của cổ đông là tổ chức khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại.

1.4. Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức.

1.5. Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

1.6. MB bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động.

1.7. Quyết định bầu, bổ nhiệm để thay thế đối với chức danh đó có hiệu lực.

1.8. Tổng Giám đốc đương nhiên mất tư cách trong trường hợp hợp đồng thuê Tổng Giám đốc hết hiệu lực mà không được tiếp tục ký mới, gia hạn.

2. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày xác định được các đối tượng bị đương nhiên mất tư cách theo quy định tại các điểm 1.1; điểm 1.2; điểm 1.3; điểm 1.4; điểm 1.5 và điểm 1.8 khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị của MB có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc nhân sự đương nhiên mất tư cách gửi Ngân hàng Nhà nước và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật; đồng thời thực hiện các thủ tục để bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc của MB sau khi đương nhiên mất tư cách vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 51. Bãi nhiệm, miễn nhiệm

1. Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại Điều 50 Điều lệ này, Chủ tịch và Thành viên khác của Hội đồng quản trị; Trưởng ban và Thành viên khác của Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc bị xem xét miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1.1. Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát MB (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức).

1.2. Bãi nhiệm khi Thành viên độc lập Hội đồng quản trị không đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện và các trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ đối với Thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo khoản 2 Điều 57 và điểm 1.3 khoản 1 Điều 49 Điều lệ này và quy định pháp luật.

1.3. Bãi nhiệm khi không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện đối với Người quản lý, Người điều hành theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật.

1.4. Bãi nhiệm khi Thành viên Hội đồng quản trị không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị hoặc Thành viên Ban kiểm soát không tham gia các hoạt động của Ban kiểm soát trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

1.5. Trường hợp khác theo quy định pháp luật hoặc khi cơ quan có thẩm quyền bầu, bổ nhiệm xét thấy cần thiết

2. Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại Điều 50 Điều lệ này, Tổng Giám đốc của MB bị xem xét bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp tại điểm 1.1, điểm 1.3 và điểm 1.5 khoản 1 Điều này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát và Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc của MB sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

4. Trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị MB có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này. MB thực hiện các thủ tục để bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo thẩm quyền, phù hợp quy định của pháp luật.

Điều 52. Đình chỉ, tạm đình chỉ chức danh thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành

1. Trường hợp MB bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, Ban kiểm soát đặc biệt do Ngân hàng Nhà nước thành lập có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị và các Thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát và các Thành viên Ban kiểm soát, Người điều hành MB nếu xét thấy cần thiết.

2. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị, các Thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát, các Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc MB và Người điều hành của MB vi phạm quy định tại Điều 49 và điểm 1.9 khoản 1 Điều 54 Điều lệ này trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao hoặc không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định pháp luật hoặc các trường hợp khác theo quy định pháp luật, Ngân hàng Nhà nước có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của những đối tượng vi phạm này; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị, các Thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, các Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc của MB có thể bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quyết định của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều này phải có trách nhiệm tham gia xử lý các tồn tại và sai phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của MB hoặc Ban kiểm soát đặc biệt hoặc Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Mục 4. Các quyền và nghĩa vụ của Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người điều hành và Người quản lý khác

Điều 53. Nghĩa vụ thận trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người điều hành và Người quản lý khác của MB có nghĩa vụ:

1. Không tiết lộ bí mật của MB.
2. Không hành động vượt quá quyền hạn được quy định tại Điều lệ này và các quy định nội bộ của MB.
3. Thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng một cách hợp lý, vì lợi ích của MB và cổ đông của MB.

Điều 54. Nghĩa vụ trung thành, tránh xung đột quyền lợi và nghĩa vụ khác

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người điều hành, Người quản lý khác của MB có các nghĩa vụ như sau:

- 1.1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ MB, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông MB.
- 1.2. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của MB, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của MB để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác làm tổn hại tới lợi ích của MB, cổ đông của MB.
- 1.3. Thông báo đầy đủ, kịp thời, chính xác cho MB về quyền lợi của mình tại các tổ chức khác, các giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của MB và chỉ được sử dụng các cơ hội đó khi Hội đồng quản trị đã chấp thuận.
- 1.4. Không được tạo điều kiện để cá nhân mình hoặc người có liên quan của mình vay vốn, sử dụng các dịch vụ ngân hàng khác của MB với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của MB.
- 1.5. Không được tăng lương, thù lao hoặc yêu cầu trả thưởng cho Người quản lý, Người điều hành khi MB bị lỗ.
- 1.6. Bảo đảm lưu trữ hồ sơ của MB để cung cấp được các số liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành, kiểm soát mọi hoạt động của MB, hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra của Ngân hàng Nhà nước.
- 1.7. Am hiểu về các loại rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng.
- 1.8. Chịu trách nhiệm trong việc chấp hành các quy định hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng của MB theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng.
- 1.9. Trong phạm vi quyền, nghĩa vụ được giao, có trách nhiệm thực hiện yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của Ngân hàng Nhà nước. Thực hiện khuyến nghị, cảnh báo rủi ro và an toàn hoạt động, cảnh báo nguy cơ dẫn đến vi phạm pháp luật về tiền tệ và ngân hàng; kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra.
- 1.10. Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.

2. Các hợp đồng, giao dịch của MB với Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cổ đông lớn; người có liên quan của Người quản lý, Thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của MB; Công ty thành viên, công ty liên kết của MB theo Luật các Tổ chức tín dụng được ký kết theo quy định sau đây:

2.1. Đối với hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của MB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi ký kết, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch với ngân hàng thương mại đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc và các trường hợp khác theo quy định pháp luật, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

2.2. Đối với hợp đồng, giao dịch có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của MB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất phải được Hội đồng quản trị thông qua trước khi ký kết, trừ trường hợp khác theo quy định pháp luật, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp nội dung biểu quyết có xung đột lợi ích với Thành viên Hội đồng quản trị nào thì thành viên đó không được tham gia biểu quyết.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người quản lý của MB không được sử dụng thông tin nội bộ có thể ảnh hưởng lớn đến giá cổ phiếu MB để mua hoặc bán hoặc giao dịch cổ phiếu của MB trái quy định pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, thành viên Ban điều hành có trách nhiệm thực hiện các quy định về cung cấp, công bố công khai thông tin theo Điều 49 Luật các Tổ chức tín dụng và văn bản hướng dẫn thi hành như sau:

4.1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và thành viên Ban điều hành có trách nhiệm cung cấp cho MB:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình hoặc mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình hoặc mình và người có liên quan là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc);

c. Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;

d. Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.

4.2. Việc cung cấp thông tin theo điểm 4.1 khoản 4 Điều này phải thực hiện bằng văn bản cung cấp thông tin lần đầu và khi có thay đổi các thông tin này trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.

4.3. MB niêm yết, lưu giữ thông tin tại điểm 4.1 khoản 4 Điều này tại trụ sở chính và thực hiện báo cáo Ngân hàng Nhà nước, công bố thông tin với Đại hội đồng cổ đông của MB theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng.

5. Các hợp đồng, giao dịch (không thuộc phạm vi đối tượng cấm hoặc hạn chế theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng) của MB với các Phó Tổng Giám đốc, thành viên Ban điều hành và Người quản lý khác của MB và/hoặc với người có liên quan của họ chỉ được ký kết khi có chấp thuận của Hội đồng quản trị MB.

Điều 55. Quyền lợi, Trách nhiệm và Bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người điều hành và Người quản lý khác của MB được hưởng lương, thù lao, thưởng và các lợi ích khác theo quy định tại Điều lệ này, quy định nội bộ khác của MB, phù hợp quy định pháp luật. MB căn cứ quy định pháp luật, chiến lược, kế hoạch hoạt động của MB, nhiệm vụ được phân công và mức độ hoàn thành công việc để xác định thù lao, lương, thưởng và các lợi ích khác cho Người quản lý, Người điều hành, Thành viên Ban kiểm soát.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người điều hành và Người quản lý khác của MB có nghĩa vụ chấp hành quy định pháp luật, Điều lệ MB và các quy định nội bộ của MB trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình và phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm nghĩa vụ của mình gây ra.

3. MB sẽ bồi thường toàn bộ chi phí hợp lý về việc khiếu nại, tố tụng liên quan đối với công việc thuộc trách nhiệm được giao của lãnh đạo, cán bộ, nhân viên của MB mà những người này phải tham gia, với điều kiện những người này đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ MB và các Quy chế của MB. MB có thể mua và duy trì bảo hiểm cho những người này đối với các trách nhiệm đó.

4. Khi MB bị tổn thất về tài sản và trong trường hợp tổn thất được xác định do nguyên nhân chủ quan của người gây ra tổn thất (bao gồm cả cán bộ nhân viên, người lao động của MB) thì thẩm quyền quyết định mức bồi thường tổn thất về tài sản thực hiện theo quy định của Hội đồng quản trị và quy định nội bộ khác có liên quan của MB, phù hợp quy định pháp luật.

Mục 5. Hội đồng quản trị

Điều 56. Thành phần và Nhiệm kỳ

1. Đại hội đồng cổ đông bầu Thành viên Hội đồng quản trị theo phương thức bầu dồn phiếu phù hợp quy định của pháp luật, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Quy trình, thủ tục bầu Thành viên Hội đồng quản trị:

2.1. Trước khi tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 30 (ba mươi) ngày, Hội đồng quản trị thông báo cho các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông về số

lượng thành viên dự kiến được bầu, bổ sung vào Hội đồng quản trị; trong đó dự kiến số lượng Thành viên độc lập Hội đồng quản trị (trường hợp chưa bầu Thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc chưa đủ số lượng Thành viên độc lập Hội đồng quản trị tối thiểu theo quy định); đồng thời thông báo các tiêu chuẩn, điều kiện phải đáp ứng đối với các chức danh được bầu để các cổ đông ứng cử, đề cử ứng cử viên theo quy định của Điều lệ này và quy định pháp luật.

2.2. Trên cơ sở danh sách, hồ sơ ứng cử, đề cử hợp lệ của các cổ đông đối với các chức danh này, Hội đồng quản trị xác định việc đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện, lập Danh sách ứng cử viên (đạt tiêu chuẩn, điều kiện và hồ sơ, thủ tục hợp lệ) cho các chức danh dự kiến bầu theo quy định của Điều lệ này, MB và quy định pháp luật.

Trường hợp các cổ đông không ứng cử, đề cử đủ số lượng ứng cử viên đối với Thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm cả Thành viên độc lập Hội đồng quản trị) hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ tiêu chuẩn, điều kiện, hồ sơ hợp lệ theo quy định, Hội đồng quản trị sẽ đề cử ứng cử viên bổ sung, thay thế đối với các chức danh này. Hội đồng quản trị thông báo cho cổ đông hoặc nhóm cổ đông ứng cử, đề cử ứng cử viên không đáp ứng biết rõ lý do.

2.3. Sau khi lập danh sách ứng cử viên, Hội đồng quản trị MB có văn bản đề nghị Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận danh sách này theo quy định pháp luật.

2.4. MB có thể lập danh sách ứng cử viên và tiến hành bầu riêng Thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Trong trường hợp này, việc bầu Thành viên độc lập Hội đồng quản trị được tiến hành như việc bầu các Thành viên Hội đồng quản trị khác.

3. Hội đồng quản trị có từ 05 (năm) thành viên đến 11 (mười một) thành viên. Số lượng cụ thể Thành viên Hội đồng quản trị từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông MB quyết định. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị MB là 05 (năm) năm. Mỗi Thành viên Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc thay thế Thành viên Hội đồng quản trị phải được Đại hội đồng cổ đông quyết định. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, đương nhiên mất tư cách trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

4. Cơ cấu, thành phần của Hội đồng quản trị, số lượng Thành viên độc lập Hội đồng quản trị MB phù hợp quy định pháp luật. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó, hoặc những người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị MB nhưng không được vượt quá 02 (hai) Thành viên Hội đồng quản trị của MB, trừ trường hợp khác theo quy định pháp luật.

5. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Chủ tịch Hội đồng quản trị và các Thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định pháp luật và Điều lệ MB. Trình tự, thủ tục, hồ sơ thay đổi và chấp thuận liên quan đến bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị và các Thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải là người có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

7. Cổ đông là người nước ngoài (cổ đông nước ngoài), người đại diện của cổ đông nước ngoài là tổ chức tham gia Hội đồng quản trị MB với điều kiện không giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị.

8. Các cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng cử viên vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.

9. Việc bầu Thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại điểm 5.4 khoản 5 Điều 43 Điều lệ này.

Điều 57. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

1.1. Không thuộc trường hợp không được là Thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều 48 Điều lệ MB và quy định của pháp luật.

1.2. Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

1.3. Có trình độ từ đại học trở lên.

1.4. Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 03 (ba) năm là người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 (năm) năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng; có ít nhất 05 (năm) năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; có ít nhất 05 (năm) năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.

2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

2.1. Không phải là người đang làm việc cho MB hoặc Công ty thành viên của MB hoặc đã làm việc cho MB hoặc Công ty thành viên của MB trong 03 (ba) năm liền kể trước đó.

2.2. Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của MB, ngoài những khoản thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị MB được hưởng.

2.3. Không có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của MB, Người quản lý hoặc Thành viên Ban kiểm soát của MB, người quản lý hoặc kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của Công ty thành viên của MB.

2.4. Không đại diện sở hữu cổ phần của MB; không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% (một phần trăm) vốn điều lệ trở lên của MB.

2.5. Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của MB tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 (năm) năm liền kể trước đó.

2.6. Các tiêu chuẩn, điều kiện khác phù hợp quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách là thành viên có thời gian làm việc và chế độ làm việc cho Hội đồng quản trị như cán bộ nhân viên MB, phù hợp quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của MB được bầu trước ngày 1/7/2024 được áp dụng quy định tại khoản 8 Điều 210 Luật các Tổ chức tín dụng.

Điều 58. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều lệ này.

3. Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.

4. Quyết định mô hình tổ chức và chức năng của trụ sở chính.

5. Quyết định kế hoạch nhân sự hàng năm gồm tổng số nhân sự, quỹ lương, duyệt quyết toán lương; cơ chế thưởng phù hợp Điều lệ này và quy định nội bộ của MB.

6. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng, lợi ích khác đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, thành viên Ban điều hành, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh khác (nếu có) theo quy định nội bộ của Hội đồng quản trị.

7. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của MB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của MB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.

8. Cử người đại diện phần vốn góp của MB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.

9. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của MB mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ trở lên của MB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

10. Quyết định khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 136 của Luật các Tổ chức tín dụng, trừ các hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

11. Thông qua các hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của MB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa MB với Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cổ đông lớn của MB; người có liên quan của Người quản lý, Thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của MB; Công ty thành viên, công ty liên kết của MB.

12. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ trở lên của MB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.

13. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công, định kỳ hàng năm đánh giá về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc; kiểm tra, giám sát, chỉ đạo, đánh giá hàng năm về việc thực hiện nhiệm vụ của các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị.

14. Phê duyệt kế hoạch và/hoặc mục tiêu hoạt động kinh doanh hàng năm và những điều chỉnh, sửa đổi (nếu có) do Tổng Giám đốc đề nghị.

15. Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của MB, trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của Đại Hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc.

16. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của MB.

17. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên; xem xét, phê duyệt đề trình Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo tài chính của MB theo quy định của pháp luật.

18. Trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận các vấn đề theo quy định của pháp luật.

19. Kiến nghị Đại hội đồng cổ đông việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản MB.

20. Quyết định chào bán cổ phần mới, bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.

21. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền của MB.

22. Quyết định mua lại cổ phần của MB theo phương án được duyệt.

23. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông.

24. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

25. Quy định về việc sử dụng các quỹ được trích từ lợi nhuận sau thuế trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, bao gồm ban hành quy định, phân cấp thẩm quyền sử dụng quỹ và các nội dung khác có liên quan. Quy định về việc trích lập và sử dụng các quỹ trước thuế của MB phù hợp quy định pháp luật.

26. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông, trừ những nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

27. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; Duyệt chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

28. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị.

29. Thông báo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc.

30. Các quyền, nghĩa vụ, nhiệm vụ phù hợp quy định, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, văn bản của cơ quan có thẩm quyền, Điều lệ này và quy định pháp luật.

Điều 59. Quyền và nghĩa vụ của Thành viên Hội đồng quản trị

1. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực, cẩn trọng một cách hợp lý, vì lợi ích của MB và cổ đông; phát huy tính độc lập của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

2. Xem xét báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu Người điều hành MB, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.

3. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật.

4. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về những quyết định của mình. Trường hợp nội dung biểu quyết có xung đột lợi ích với thành viên nào thì thành viên đó không được tham gia biểu quyết.

5. Thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

6. Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi được yêu cầu.

7. Thành viên Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định các nội dung theo quy định tại các khoản 2, khoản 4, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9, khoản 10, khoản 12, khoản 13, khoản 14 và khoản 18 Điều 70 Luật các Tổ chức tín dụng.

8. Các quyền, nghĩa vụ, nhiệm vụ khác phù hợp quy định pháp luật, văn bản của cơ quan có thẩm quyền, Điều lệ này và quy định, quyết định của cấp có thẩm quyền của MB.

Điều 60. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch và (các) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị trong số các Thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

2.1. Chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2.2. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.

2.3. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp Hội đồng quản trị; Triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị.

2.4. Thay mặt Hội đồng quản trị ký các nghị quyết, quyết định và các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; tổ chức thực hiện và giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các quyết định đó.

2.5. Đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của MB, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

2.6. Đảm bảo rằng các Thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác liên quan đến các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét phù hợp với thực tiễn hoạt động kinh doanh.

2.7. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các Thành viên Hội đồng quản trị.

2.8. Giám sát các Thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ, quyền hạn khác của họ.

2.9. Giám sát Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

2.10. Đánh giá hiệu quả làm việc của từng Thành viên Hội đồng quản trị, các Ủy ban của Hội đồng quản trị tối thiểu mỗi năm một lần và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.

2.11. Các quyền, nghĩa vụ, nhiệm vụ khác phù hợp quy định, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, văn bản của cơ quan có thẩm quyền, quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc một Thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình trong thời gian Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc các trường hợp khác phù hợp quy định pháp luật và thông báo cho các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc MB biết về việc ủy quyền này. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc các trường hợp khác theo quy định pháp luật, các Thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 61. Thù lao và lợi ích của Thành viên Hội đồng quản trị

1. Các Thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao công việc, thưởng và các lợi ích khác dựa trên kết quả và hiệu quả kinh doanh của MB.

2. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao của Hội đồng quản trị phù hợp quy định của pháp luật. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của các Thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí của MB theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và ghi thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của MB và báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên theo quy định pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành, hoặc Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách (có chế độ làm việc như cán bộ nhân viên MB), hoặc Thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các Ủy ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác được Hội đồng quản trị xác định là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một Thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm: một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới các hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị được tính vào chi phí của MB.

Điều 62. Thay thế Thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị bị đương nhiên mất tư cách Thành viên Hội đồng quản trị thì Hội đồng quản trị cử ra một Thành viên Hội đồng quản trị tạm thời điều hành công việc của Hội đồng quản trị. Trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị bị đương nhiên mất tư cách, các Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng quản trị để bầu một Thành viên Hội đồng quản trị (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định) làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm và bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức phải có đơn hoặc văn bản gửi Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

4. Trường hợp Hội đồng quản trị có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định, thì trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày không đủ số lượng Thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu theo quy định, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị.

5. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu Thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế cho Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những Thành viên Hội đồng quản trị còn thiếu.

6. Những người được bầu là Chủ tịch Hội đồng quản trị và Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tiếp nhận và đảm nhiệm công việc của chức danh được bầu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Chủ tịch và các Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và các Thành viên Hội đồng quản trị mới được bầu xử lý; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian đảm nhiệm chức danh đó.

Điều 63. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị mới được bầu phải nhóm họp trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó để bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền. Cuộc họp này do Thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều



hơn 01 (một) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các Thành viên Hội đồng quản trị bầu theo nguyên tắc đa số, chọn 01 (một) người trong số họ để triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của MB hoặc ở nơi khác.

3. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý 01 (một) lần và có thể họp bất thường theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

- 4.1. Có đề nghị của Ban kiểm soát.
- 4.2. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác.
- 4.3. Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) Thành viên Hội đồng quản trị.
- 4.4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và các tài liệu liên quan khác (nếu có).

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến Thành viên Ban kiểm soát được mời dự họp như đối với Thành viên Hội đồng quản trị. Thông báo mời họp được gửi bằng một hoặc một số phương thức như giấy mời, fax, thư điện tử, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp quyết định, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng Thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại MB.

6. Trưởng Ban kiểm soát là thành phần tham dự đương nhiên của các cuộc họp Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể mời Tổng Giám đốc hoặc người khác tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị (nếu cần thiết). Thành viên tham dự họp không phải là Thành viên Hội đồng quản trị có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được một trong các đề nghị theo quy định tại Điều lệ này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị phù hợp Điều lệ này, quy định pháp luật, thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với MB, trừ trường hợp không triệu tập họp được vì lý do bất khả kháng; trong trường hợp này, người đề nghị họp Hội đồng quản trị có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị, các Thành viên Hội đồng quản trị dự họp bỏ phiếu bầu chủ tọa cuộc họp.

8. Hội đồng quản trị quy định các trường hợp họp khẩn cấp, thời hạn thông báo và hình thức thông báo mời họp Hội đồng quản trị trong trường hợp cần họp khẩn cấp.

9. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số Thành viên Hội đồng quản trị trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì cuộc họp được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số Thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Trường hợp không trực tiếp dự họp, Thành viên Hội đồng quản trị có quyền thực hiện biểu quyết thông qua một hoặc một số các hình thức: biểu quyết tại cuộc họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác, gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản thông qua thư, fax, thư điện tử hoặc các hình thức khác; hoặc ủy quyền biểu quyết cho một Thành viên Hội đồng quản trị khác trừ trường hợp không được ủy quyền theo quy định tại Điều lệ này. Trường hợp gửi biểu quyết bằng văn bản đến cuộc họp Hội đồng quản trị (nếu văn bản giấy phải đựng trong phong bì kín) thì phải được chuyển đến chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị chậm nhất 01 (một) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết bằng văn bản giấy gửi đến trước giờ khai mạc cuộc họp chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp dự họp.

10. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

10.1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.

10.2. Ủy quyền cho Thành viên Hội đồng quản trị khác dự họp, trừ trường hợp không được ủy quyền theo quy định tại Điều lệ này. Trường hợp Thành viên Hội đồng quản trị ủy quyền cho người khác dự họp thì phải được đa số Thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

10.3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức họp trực tiếp kết hợp với hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác, hoặc các hình thức kết hợp khác.

10.4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Thủ tục gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 63 Điều lệ này.

10.5. Gửi phiếu biểu quyết trong thời hạn theo quy định hoặc quyết định của Hội đồng quản trị.

11. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số phiếu tán thành, bao gồm cả gửi phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

12. Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản. Nội dung biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được Chủ tọa, các Thành viên Hội đồng quản trị dự họp và thư ký cuộc họp ký tên. Chủ tọa cuộc họp tổ chức lập và gửi biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị cho các Thành viên Hội đồng quản trị và biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng về công việc tiến hành tại các cuộc họp.

13. Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung bắt buộc theo quy định pháp luật thì biên bản này vẫn có hiệu lực. Trường hợp Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp dự họp không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do và được bảo lưu ý kiến của mình tại cuộc họp. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng một thứ tiếng nước ngoài (nếu cần thiết), biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

14. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan và quy chế của Hội đồng quản trị.

Điều 64. Các Ủy ban của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị thành lập các Ủy ban để giúp Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị, trong đó phải có Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự. Thành phần, cơ cấu, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và hoạt động của các Ủy ban do Hội đồng quản trị quyết định.

Điều 65. Bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị sẽ sử dụng bộ máy giúp việc và dấu của MB để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

2. Hội đồng quản trị có thể có các cơ quan, nhân viên giúp việc do Hội đồng quản trị quyết định. Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định cụ thể số lượng, nhiệm vụ, tiền lương và các chế độ khác của các cán bộ, nhân viên giúp việc chuyên trách thuộc bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật.

3. Hội đồng quản trị có quyền thuê nhân viên và tư vấn độc lập, các kế toán độc lập và các tư vấn bên ngoài khác để thực hiện các công việc liên quan, nếu cần thiết, để thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình bằng chi phí của MB.

Mục 6. Tổng Giám đốc

Điều 66. Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất của MB.

2. Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa không quá 05 (năm) năm. Tổng Giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

4.1. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày và hoạt động hàng ngày khác mà không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị MB.

4.2. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

4.3. Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả, phù hợp quy định pháp luật và quy định của Hội đồng quản trị.

4.4. Tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính, kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của MB.

4.5. Kiến nghị, đề xuất phương án cơ cấu tổ chức quản lý, quy định nội bộ MB trình Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền hoặc quyết định theo thẩm quyền của Tổng Giám đốc.

4.6. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương và các lợi ích khác đối với các chức danh của MB, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

4.7. Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động của MB phù hợp quy định pháp luật và quy định do Hội đồng quản trị ban hành, kể cả các chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc.

4.8. Tuyển dụng, tổ chức tuyển dụng lao động; quyết định lương thưởng của Người lao động theo thẩm quyền.

4.9. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh.

4.10. Lập và trình Hội đồng quản trị thông qua các báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác.

4.11. Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; cơ chế về giá, lãi, lãi suất, hoa hồng, chi phí, phí, phạt, bồi thường và nghĩa vụ tài chính khác để điều hành hoạt động kinh doanh; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo và thực hiện các nhiệm vụ điều hành khác thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc không trái quy định pháp luật và các quy định, quyết định khác của Hội đồng quản trị.

4.12. Báo cáo với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động, hiệu quả và kết quả kinh doanh của MB theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4.13. Tổ chức thực hiện kế hoạch duy trì hoạt động liên tục phù hợp quy định pháp luật, quy định của MB.

4.14. Được quyết định áp dụng các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố và các trường hợp khác) và chịu trách nhiệm về những quyết định đó, sau đó phải báo cáo Hội đồng quản trị.

4.15. Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức và hoạt động của MB nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của MB trình Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền.

4.16. Đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường theo quy định tại Điều lệ này.

4.17. Ký kết hợp đồng, giao dịch khác nhân danh MB theo quy định nội bộ của MB.

4.18. Đại diện tổ tụng, đại diện người sử dụng lao động của MB theo phân cấp, ủy quyền của Người đại diện theo pháp luật, cấp có thẩm quyền của MB.

4.19. Các quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ khác phù hợp quy định của pháp luật, văn bản của cơ quan có thẩm quyền, Điều lệ này và các quy định, quyết định của cấp có thẩm quyền của MB.

5. Tổng Giám đốc điều hành công việc kinh doanh hằng ngày và các hoạt động hằng ngày khác của MB không trái quy định của pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao động ký với MB (nếu có) và quyết định của Hội đồng quản trị. Tổng Giám đốc được phân cấp, ủy quyền lại phù hợp quy định của MB. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho MB thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho MB.

Điều 67. Tiêu chuẩn, điều kiện Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, thành viên Ban điều hành, Kế toán trưởng, Giám đốc Tài chính, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc (Tổng Giám đốc) Công ty thành viên

1. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Tổng Giám đốc:

1.1. Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 48 Điều lệ này.

1.2. Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

1.3. Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán.

1.4. Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 05 (năm) năm làm người điều hành của tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 (năm) năm làm Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 (năm) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 10 (mười) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.

1.5. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Phó Tổng Giám đốc, thành viên Ban điều hành, Kế toán trưởng, Giám đốc Tài chính, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc (Tổng Giám đốc) Công ty thành viên:

2.1. Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 2 Điều 48 Điều lệ này; đối với Phó Tổng Giám đốc và thành viên Ban điều hành không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 48 Điều lệ này.

2.2. Có một trong các điều kiện sau đây: có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán hoặc ngành khác thuộc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; có trình độ từ đại học trở lên về ngành khác và có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm.

2.3. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

2.4. Kế toán trưởng còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật về kế toán.

3. Ngoài các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Điều này, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, thành viên Ban điều hành, Kế toán trưởng, Giám đốc Tài chính, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc (Tổng Giám đốc) Công ty thành viên còn phải tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 68. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, đương nhiên mất tư cách Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 51, Điều 58 Điều lệ này và quy định của pháp luật.

2. Trường hợp Tổng Giám đốc bị đương nhiên mất tư cách Tổng Giám đốc theo Điều 50 Điều lệ này hoặc bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quy định tại Điều 51 Điều lệ này, Hội đồng quản trị có quyền tạm đình chỉ hoặc đình chỉ quyền điều hành của Tổng Giám đốc và cử ngay một Phó Tổng Giám đốc hoặc thành viên Ban điều hành đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này đảm nhiệm công việc, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc. Hội đồng quản trị báo cáo Ngân hàng Nhà nước theo thời hạn và thủ tục theo quy định pháp luật.

3. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày khuyết Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục để bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Sau khi có văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước về nhân sự dự kiến, Hội đồng quản trị MB ra quyết định bổ nhiệm Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc bắt đầu thực hiện nhiệm vụ theo quyết định bổ nhiệm của Hội đồng quản trị, phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ, nhiệm vụ của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ. Tổng Giám đốc cũ có trách nhiệm bàn giao công việc cho Tổng Giám đốc mới và phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.

5. Trường hợp Tổng Giám đốc được tái bổ nhiệm, Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục bổ nhiệm lại theo quy định pháp luật (nếu có).

6. Tổng Giám đốc của MB sau khi bị xác định đương nhiên mất tư cách, bãi nhiệm, miễn nhiệm vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 69. Giúp việc cho Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc quyết định cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ cụ thể của bộ máy giúp việc cho Tổng Giám đốc phù hợp mô hình tổ chức, chức năng của trụ sở chính của MB do Hội đồng quản trị quyết định và Điều lệ này.

2. Giúp việc cho Tổng Giám đốc có các Phó Tổng Giám đốc, các thành viên Ban điều hành, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh khác thuộc bộ máy chuyên môn nghiệp vụ theo quy định của MB.

3. Phó Tổng Giám đốc, thành viên Ban điều hành giúp Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của MB theo phân công của Tổng

Giám đốc, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công. Số lượng và nhân sự Phó Tổng Giám đốc, thành viên Ban điều hành cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc.

4. Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác tài chính, kế toán, thống kê và các nhiệm vụ khác theo quy định nội bộ của MB và quy định pháp luật.

Mục 7. Ban kiểm soát

Điều 70. Thành phần và nhiệm kỳ

Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên Ban kiểm soát theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Điều lệ này, phù hợp quy định của pháp luật. Ban kiểm soát bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát.

1. Quy trình, thủ tục bầu Thành viên Ban kiểm soát:

1.1. Trước khi tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu ba mươi (30) ngày, Hội đồng quản trị thông báo cho các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông về số lượng thành viên dự kiến được bầu, bổ sung vào Ban kiểm soát; đồng thời thông báo các tiêu chuẩn, điều kiện phải đáp ứng đối với các chức danh được bầu để các cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử ứng cử viên đối với các chức danh này theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ MB. Việc ứng cử, đề cử ứng viên Thành viên Ban kiểm soát thực hiện như quy định tại khoản 2 Điều 34 Điều lệ này.

1.2. Trên cơ sở danh sách, hồ sơ đề cử hợp lệ của các cổ đông đối với các chức danh này, Hội đồng quản trị xác định việc đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện; lập Danh sách ứng cử viên (đạt tiêu chuẩn, điều kiện và hồ sơ, thủ tục hợp lệ) cho các chức danh dự kiến bầu theo quy định của Điều lệ này, MB và quy định pháp luật. Trường hợp các cổ đông, nhóm cổ đông không ứng cử, đề cử đủ số lượng ứng cử viên đối với Thành viên Ban kiểm soát hoặc các ứng cử viên không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện, hồ sơ hợp lệ theo quy định, Hội đồng quản trị sẽ đề cử ứng cử viên bổ sung, thay thế đối với các chức danh này. Hội đồng quản trị thông báo cho cổ đông hoặc nhóm cổ đông ứng cử, đề cử ứng cử viên không đủ điều kiện biết rõ lý do.

1.3. Sau khi lập danh sách ứng cử viên, Hội đồng quản trị MB có văn bản đề nghị Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận danh sách này theo quy định pháp luật.

2. Số lượng Thành viên Ban kiểm soát tối thiểu là 05 (năm) thành viên. Số lượng Thành viên Ban kiểm soát cụ thể từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Trưởng Ban kiểm soát phải làm việc chuyên trách tại MB.

3. Số Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách không ít hơn $\frac{1}{2}$ (một phần hai) tổng số thành viên. Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách là thành viên có thời gian làm việc và chế độ làm việc như cán bộ nhân viên MB, chịu trách nhiệm về một hoặc một số nhiệm vụ do Trưởng Ban kiểm soát phân công. Tất cả các Thành viên Ban kiểm soát phải là cổ đông hoặc đại diện cổ đông tổ chức của MB.

4. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm, cùng nhiệm kỳ với Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát.

Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc thay thế Thành viên Ban kiểm soát phải được Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên Ban kiểm soát được bầu để bổ sung hoặc thay thế trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của Thành viên Ban kiểm soát đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Ban kiểm soát. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

5. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

5.1. Là cổ đông hoặc đại diện cổ đông tổ chức của MB.

5.2. Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 48 Điều lệ này.

5.3. Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

5.4. Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.

5.5. Không phải là người có liên quan của Người quản lý của MB.

5.6. Trưởng Ban kiểm soát và Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

6. Trường hợp cổ đông là người nước ngoài, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông nước ngoài là tổ chức được bầu làm Thành viên Ban kiểm soát thì người này phải đáp ứng thêm các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần và tham gia Ban kiểm soát của ngân hàng thương mại Việt Nam.

Điều 71. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát

1. Giám sát hoạt động quản trị, điều hành MB trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định nội bộ của MB, Điều lệ MB và các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban kiểm soát, quy định nội bộ của MB về kế toán và báo cáo.

3. Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; có quyền sử dụng dấu và các nguồn lực của MB theo quy định của MB và được tiếp cận, cung cấp đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành MB để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ.

4. Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định báo cáo tài chính 06 (sáu) tháng đầu năm và hằng năm của MB; báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

5. Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của MB thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội

đồng quản trị. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

6. Giám sát việc chấp hành các quy định tại Chương VII của Luật các Tổ chức tín dụng về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của MB.

7. Kiểm tra sổ sách kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của MB khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn, nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu.

8. Kịp thời thông báo cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị khi phát hiện Người quản lý, Người điều hành của MB có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy định nội bộ của MB, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, nếu có.

9. Lập danh sách cổ đông sáng lập trong thời hạn 05 (năm) năm kể từ ngày là cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 01% (một phần trăm) vốn điều lệ trở lên và người có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc MB, cổ đông sở hữu từ 01% (một phần trăm) vốn điều lệ trở lên; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.

10. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và Điều lệ MB.

11. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật các Tổ chức tín dụng hoặc vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ MB.

12. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ; quyết định cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ phận kiểm toán nội bộ của MB phù hợp quy định pháp luật và quy định nội bộ có liên quan của MB.

13. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật và quy định nội bộ của MB.

14. Kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước về các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 6, khoản 8 và khoản 11 Điều này và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp, người có liên quan theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng.

15. Các quyền hạn, nghĩa vụ, nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật.

Điều 72. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát và các Thành viên Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ như sau:

1.1. Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát theo quy định tại Luật các Tổ chức tín dụng và Điều lệ này.

1.2. Triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát.

1.3. Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.

1.4. Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường quy định tại Điều lệ này hoặc đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường.

1.5. Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.

1.6. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

1.7. Chuẩn bị kế hoạch làm việc của Ban kiểm soát và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng Thành viên Ban kiểm soát.

1.8. Bảo đảm các Thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét.

1.9. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của Thành viên Ban kiểm soát.

1.10. Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.

1.11. Các quyền, nghĩa vụ, nhiệm vụ phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ như sau:

2.1. Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ MB và quy định nội bộ của Ban Kiểm soát và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Trưởng Ban kiểm soát để triển khai nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của MB và cổ đông, chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

2.2. Bầu, biểu quyết miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát.

2.3. Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập họp Ban kiểm soát bất thường.

2.4. Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo tài chính và kiến nghị khắc phục, nếu có.

2.5. Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát về các hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm về những đánh giá và kết luận của mình.

2.6. Tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.

2.7. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị theo ủy quyền, phân công của Trưởng Ban kiểm soát, tham gia ý kiến nhưng không được biểu quyết.

2.8. Yêu cầu ghi lại các ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với các quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

2.9. Yêu cầu Người quản lý của MB báo cáo, giải trình về thực trạng tài chính, kết quả kinh doanh của Công ty thành viên, kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và quyết định khác trong quản lý, điều hành MB.

2.10. Yêu cầu Người quản lý, Người điều hành, nhân viên của MB cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.

2.11. Các quyền, nghĩa vụ, nhiệm vụ phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ này.

3. Thành viên Ban kiểm soát được hưởng tiền lương, thù lao, thưởng và được hưởng các quyền lợi, lợi ích khác phù hợp quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của MB. Tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của các Thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định, phù hợp quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác có liên quan và quy định nội bộ của MB. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí của MB theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của MB.

4. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành của MB bảo đảm cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của MB theo yêu cầu của Ban kiểm soát phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ này, và đảm bảo rằng tất cả các bản sao chụp các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị cũng như các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm như được cung cấp cho Hội đồng quản trị. Việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của Ban kiểm soát phù hợp quy định pháp luật.

Điều 73. Thay thế thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quy định tại Điều 50 và Điều 51 của Điều lệ này. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin thay đổi và chấp thuận liên quan đến bầu Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ MB.

2. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày xác định được Thành viên Ban kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách, Hội đồng quản trị phải có văn bản báo cáo kèm theo tài liệu chứng minh gửi Ngân hàng Nhà nước và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật, đồng thời Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục để bầu Thành viên Ban kiểm soát mới theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Trưởng Ban kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách Thành viên Ban kiểm soát, các Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban kiểm soát để bầu một Thành viên Ban kiểm soát (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Trưởng Ban kiểm soát.

4. Trường hợp số thành viên Ban kiểm soát ít hơn số Thành viên Ban kiểm soát tối thiểu theo quy định của Điều lệ MB, trong thời hạn không quá 90 (chín mươi) ngày kể từ

ngày không đủ số Thành viên Ban kiểm soát tối thiểu theo quy định, Ban kiểm soát phải đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung Thành viên Ban kiểm soát.

5. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu Thành viên Ban kiểm soát mới để thay thế cho chức danh bị khuyết.

6. Trưởng Ban kiểm soát và Thành viên Ban kiểm soát của MB sau khi bị xác định đương nhiên mất tư cách, bãi nhiệm, miễn nhiệm vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 74. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Cuộc họp Ban kiểm soát đầu tiên của nhiệm kỳ mới phải được tổ chức trong vòng 07 (bảy) ngày sau bầu cử Ban kiểm soát đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn 01 (một) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số 01 (một) người trong số họ để triệu tập họp Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý 01 (một) lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.

3. Trưởng Ban kiểm soát triệu tập cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát khi xét thấy cần thiết hoặc có đề nghị của một trong các trường hợp sau đây:

- 3.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- 3.2. Ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị.
- 3.3. Thành viên Ban kiểm soát.
- 3.4. Tổng Giám đốc.
- 3.5. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.

4. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại điểm 3.1; điểm 3.2; điểm 3.3 và điểm 3.4 khoản 3 Điều này, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban kiểm soát bất thường. Trường hợp, sau hai lần đề nghị kế tiếp kể trên mà Trưởng Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và các thành viên Ban kiểm soát tiến hành họp Ban kiểm soát để xử lý công việc đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng Ban kiểm soát, bầu một thành viên Ban kiểm soát đảm bảo các điều kiện giữ chức danh Trưởng Ban kiểm soát, hoặc quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại (nếu có).

5. Thông báo mời họp Ban kiểm soát phải được lập bằng văn bản, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát. Thông báo mời họp Ban kiểm soát phải được gửi tối thiểu 02 (hai) ngày trước ngày họp.

6. Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) trở lên số Thành viên Ban kiểm soát tham dự (bao gồm cả trường hợp trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho một Thành viên Ban kiểm soát tham dự). Trường hợp triệu tập họp Ban kiểm soát định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập tiếp cuộc họp Ban kiểm soát lần hai trong thời gian không quá 15 (mười lăm) ngày tiếp theo. Sau hai lần triệu tập họp Ban kiểm soát không đủ số thành viên tham dự, Trưởng Ban kiểm soát phải thông báo cho Hội đồng quản trị biết và đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của các Thành viên Ban kiểm soát.

7. Biểu quyết: Mỗi Thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp Ban kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát. Nếu Thành viên Ban kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền tham dự và biểu quyết của mình bằng văn bản cho một Thành viên Ban kiểm soát khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay. Thành viên Ban kiểm soát có quyền lợi liên quan tới nội dung được đưa ra Ban kiểm soát quyết định không được nhận ủy quyền của Thành viên Ban kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.

8. Thông báo lợi ích liên quan: Thành viên Ban kiểm soát không tham gia biểu quyết đối với những nội dung có xung đột lợi ích với mình và thông báo cho Ban kiểm soát.

9. Biểu quyết đa số: Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được đa số Thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát hoặc Thành viên Ban kiểm soát được Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền làm Chủ tọa cuộc họp (trong trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ).

10. Trường hợp Ban kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Ban kiểm soát được coi là có giá trị như một quyết định được thông qua bởi các Thành viên Ban kiểm soát tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:

10.1. Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số (trên $\frac{1}{2}$) các Thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến.

10.2. Số lượng Thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng Thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Ban kiểm soát.

11. Cuộc họp Ban kiểm soát phải được ghi thành biên bản. Biên bản họp Ban kiểm soát phải được chủ tọa và thư ký cuộc họp ký tên. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm tổ chức lập và gửi biên bản cuộc họp Ban kiểm soát cho các Thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát là kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của biên bản đó trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi biên bản.

Mục 8. Người lao động và Công đoàn

Điều 75. Người lao động và công đoàn

1. Tổng Giám đốc đề xuất Hội đồng quản trị theo thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan đến người lao động như tuyển dụng, tiền lương, phúc lợi, khen thưởng, kỷ luật đối với người lao động.

2. Mọi quan hệ của MB với tổ chức Công đoàn các cấp được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của MB và quy định pháp luật, góp phần xây dựng quan hệ lao động hài hoà, ổn định và tiến bộ.

CHƯƠNG V. MỐI QUAN HỆ GIỮA MB VÀ CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

Mục 1. Các Đơn vị trực thuộc, Công ty thành viên, Công ty liên kết của MB

Điều 76. Các Đơn vị trực thuộc, Công ty thành viên, Công ty liên kết

1. MB có các Đơn vị trực thuộc, các Công ty thành viên, Công ty liên kết.

2. MB có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, đơn vị trực thuộc ở trong nước và chi nhánh, văn phòng đại diện, các hình thức hiện diện thương mại khác ở nước ngoài phù hợp quy định pháp luật. Tổ chức và hoạt động của các chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp thực hiện theo quy định nội bộ của MB từng thời kỳ.

Mục 2. Mối quan hệ giữa MB với các Đơn vị trực thuộc

Điều 77. Quan hệ giữa MB và các Đơn vị trực thuộc

1. Các Đơn vị trực thuộc (đơn vị phụ thuộc) là các đơn vị hạch toán phụ thuộc MB, bao gồm chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.

2. Các Đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc MB, thực hiện hoạt động kinh doanh, hạch toán, tổ chức, nhân sự và các hoạt động khác theo chế độ phân cấp, ủy quyền của MB.

Mục 3. Quan hệ giữa MB và các Công ty thành viên, Công ty liên kết

Điều 78. Quản lý phần vốn góp của MB trong các Công ty thành viên, Công ty liên kết

1. MB cử người đại diện theo ủy quyền của MB quản lý phần vốn góp, thực hiện các quyền, nghĩa vụ của MB tại các Công ty thành viên, Công ty liên kết, phù hợp với quy định của MB và Điều lệ của các Công ty thành viên, Công ty liên kết.

2. MB quyết định mức góp vốn, mua cổ phần để thành lập, điều chỉnh mức góp vốn, mua cổ phần tại các Công ty thành viên, Công ty liên kết đang hoạt động phù hợp với chiến lược và kế hoạch kinh doanh của MB.

3. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo ủy quyền của MB tại các Công ty thành viên, Công ty liên kết theo quy định của Hội đồng quản trị và quy định pháp luật từng thời kỳ.

Điều 79. Chi phối, liên kết, hợp tác với Công ty thành viên, Công ty liên kết

1. Khi MB là công ty kiểm soát và/hoặc có các quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông đối với một Công ty thành viên, Công ty liên kết, MB thực hiện quyền chi phối, kiểm soát và các quyền khác của chủ sở hữu, thành viên góp vốn hoặc cổ đông phù hợp quy định pháp luật, quy định của MB và Điều lệ của Công ty thành viên, Công ty liên kết đó, bao gồm một, một số hoặc tất cả các nội dung sau:

1.1. Phê duyệt hoặc biểu quyết việc phê duyệt (theo thẩm quyền) Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty thành viên, Công ty liên kết.

1.2. Phê duyệt hoặc biểu quyết việc phê duyệt (theo thẩm quyền) định hướng, phương hướng, chiến lược kinh doanh.

1.3. Phê duyệt hoặc biểu quyết việc phê duyệt (theo thẩm quyền) kế hoạch hoạt động hàng năm.

1.4. Phê duyệt hoặc biểu quyết việc phê duyệt (theo thẩm quyền) các phương án kinh doanh của Công ty thành viên, Công ty liên kết, việc đầu tư ra ngoài của Công ty thành viên, Công ty liên kết.

1.5. Nhận và thông qua hoặc biểu quyết thông qua (theo thẩm quyền) các báo cáo quản lý và các báo cáo tài chính đã được kiểm toán hàng năm của Công ty thành viên, Công ty liên kết.

1.6. Hợp tác, liên kết với Công ty thành viên, Công ty liên kết để thực hiện các hoạt động, kinh doanh phù hợp quy định pháp luật và thỏa thuận các bên.

1.7. Hướng lợi nhuận và thanh toán chi phí phát sinh; chịu rủi ro đối với phần vốn của MB góp vốn, mua cổ phần vào các Công ty thành viên, Công ty liên kết.

1.8. Các nội dung khác theo Điều lệ của các Công ty thành viên, Công ty liên kết, quy định của MB và phù hợp quy định pháp luật.

1.9. Đơn vị thành viên tại Điều lệ này được hiểu là các Đơn vị trực thuộc và Công ty thành viên, Công ty liên kết của MB. MB sẽ hỗ trợ cho các Đơn vị thành viên bằng cách xác định và đưa ra định hướng phát triển chung trên cơ sở phát huy được thế mạnh của các Đơn vị thành viên và tránh sự cạnh tranh nội bộ không lành mạnh và phân tán nguồn lực giữa các Đơn vị thành viên. Hoạt động hợp tác, hỗ trợ thương mại, đầu tư giữa các Đơn vị thành viên được xác định trên cơ sở điều kiện thương mại, hài hòa lợi ích giữa các bên và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. MB sẽ không trực tiếp quyết định hoặc trực tiếp tham gia quản lý đối với các Công ty thành viên, Công ty liên kết, trừ trường hợp quy định tại Điều 80 Điều lệ này và trường hợp thực hiện phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật. Quy định này không loại trừ quyền của người đại diện của MB tham gia vào bộ máy quản lý, điều hành, kiểm soát tại các Công ty thành viên, Công ty liên kết.

Điều 80. Quyền và nghĩa vụ của MB đối với Công ty thành viên là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

MB thực hiện quyền, nghĩa vụ tại Điều 79 Điều lệ và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. MB quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định pháp luật khác có liên quan.

2. MB quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng và kỷ luật Chủ tịch Hội đồng thành viên, Thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty và Thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên.

3. MB quyết định và/hoặc phân cấp cho Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh khác của Công ty thành viên theo quy định của MB và/hoặc Điều lệ của Công ty thành viên.

4. MB thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác của chủ sở hữu theo quy định tại Điều lệ này, Điều lệ của Công ty thành viên là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, quy định của Luật doanh nghiệp, phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 81. Quyền và nghĩa vụ của MB đối với Công ty thành viên là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần

MB thực hiện quyền, nghĩa vụ tại Điều 79 Điều lệ và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. MB thực hiện quyền chi phối của cổ đông, thành viên góp vốn thông qua người đại diện của mình thực hiện quyền và nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông, là thành viên trong Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của Công ty thành viên là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

2. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này, Điều lệ của các Công ty thành viên, Công ty liên kết tương ứng và quy định có liên quan của Luật Doanh nghiệp, phương án cơ cấu lại được phê duyệt theo quy định pháp luật và các quy định pháp luật liên quan.

Điều 82. Quan hệ giữa MB với các Công ty liên kết

MB có quyền và nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn đối với các Công ty liên kết theo Điều lệ của các Công ty liên kết đó, hợp đồng góp vốn, mua cổ phần và thỏa thuận giữa các cổ đông, thành viên góp vốn, phù hợp quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VI. CƠ CHẾ TÀI CHÍNH

Mục 1. Hệ thống kế toán và năm tài chính

Điều 83. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán MB sử dụng là hệ thống kế toán theo quy định của Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước và quy định pháp luật khác có liên quan.

2. MB sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

3. Các sổ sách kế toán của MB được lập bằng tiếng Việt theo quy định pháp luật.

4. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc MB chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cơ quan quản lý nhà nước về việc chấp hành chế độ tài chính, thiết lập hệ thống kế toán phù hợp quy định pháp luật hiện hành.

Điều 84. Năm tài chính

Năm tài chính của MB bắt đầu từ ngày 01 (mùng một) tháng 01 (dương lịch) hàng năm và kết thúc vào ngày 31 (ba mươi mốt) tháng 12 (mười hai) cùng năm. Năm tài chính đầu tiên từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 (ba mươi mốt) tháng 12 (mười hai) cùng năm đó.

Mục 2. Kiểm toán

Điều 85. Kiểm toán

1. Trước khi kết thúc năm tài chính, Đại hội đồng cổ đông MB quyết định lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập đáp ứng yêu cầu theo quy định để kiểm toán báo cáo tài chính và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính của MB trong năm tài chính tiếp theo, phù hợp với quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật. Việc lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập được thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

2. Một bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm với mỗi bản báo cáo tài chính hàng năm của MB.

3. MB sẽ chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho tổ chức kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

4. Tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của MB, lập báo cáo kiểm toán và gửi báo cáo đó cho Hội đồng quản trị, phù hợp quy định pháp luật. Các nhân viên của tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của MB phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận, nếu pháp luật có yêu cầu.

5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của MB được tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề có liên quan.

Mục 3. Phân chia lợi nhuận

Điều 86. Phân chia lợi nhuận sau thuế

Sau khi trích lập các quỹ, lợi nhuận giữ lại của MB được sử dụng để trả cổ tức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 87. Trích lập quỹ sau thuế và trích lập dự phòng

1. MB trích lập, sử dụng các quỹ từ lợi nhuận sau thuế và trích lập, sử dụng các khoản dự phòng theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ MB, quy chế quản lý tài chính và các quy định nội bộ có liên quan khác của MB, cụ thể:

1.1. Trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật.

1.2. Trích lập quỹ dự phòng tài chính theo quy định của pháp luật.

1.3. Trích lập các quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và các quỹ sau thuế khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

2. Tỷ lệ trích lập các quỹ trên do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 88. Trả cổ tức

1. Cổ tức được trả theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản trị. MB chi trả cổ tức cho cổ đông sau khi MB đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; đã trích lập các quỹ MB và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của Điều lệ này và pháp luật; và ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, MB vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn (nếu có).

2. Cổ tức được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của MB do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

3. Cổ tức có thể chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của MB hoặc bằng tài sản khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp quy định pháp luật. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng chuyển khoản theo yêu cầu của cổ đông.

Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản khi MB đã có đủ thông tin chi tiết về tài khoản của cổ đông. MB không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó trong trường hợp đã chuyển khoản theo đúng các thông tin của cổ đông đã đăng ký với MB. Đối với cổ phiếu được niêm yết, đăng ký, lưu ký, việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phần này được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán phù hợp quy định pháp luật.

4. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức gửi bằng phương thức bảo đảm, phương thức điện tử hoặc phương thức khác để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông đã đăng ký với MB (bao gồm một hoặc một số phương thức như gửi thư điện tử, tin nhắn, thư qua đường bưu điện hoặc các phương thức phù hợp khác do Hội đồng quản trị quyết định) trong vòng 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức.

Thông báo phải ghi rõ tên và địa chỉ trụ sở chính của MB; họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị của MB.

5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ MB.

6. Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của MB và phù hợp quy định pháp luật.

7. MB không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác mà cổ đông chưa nhận được khi đến hạn trả cổ tức.

CHƯƠNG VII. SỔ SÁCH, HỒ SƠ NGÂN HÀNG VÀ DẤU

Điều 89. Báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Báo cáo tài chính hàng năm của MB bao gồm: bảng cân đối kế toán, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, thuyết minh báo cáo tài chính, thuế và tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Ngoài các báo cáo nêu trên, MB lập các báo cáo hàng năm bao gồm: báo cáo tài chính hợp nhất; báo cáo tổng hợp kết quả kinh doanh hàng năm, báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành theo quy định pháp luật.

2. Báo cáo tài chính hàng năm của MB phải lập một cách trung thực và khách quan, được kiểm toán trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua. Tổng Giám đốc MB tổ chức thực hiện việc lập các báo cáo nêu tại khoản 1 điều này.

3. MB sẽ lập báo cáo tài chính và gửi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

4. Hội đồng quản trị theo dõi, giám sát việc lập báo cáo nêu tại khoản 1 Điều này; các báo cáo về kết quả kinh doanh của MB, báo cáo tài chính 06 (sáu) tháng đầu năm và hàng năm và báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

5. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị, báo cáo kết quả thẩm định báo cáo tài chính của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán được lưu giữ tại trụ sở chính của MB chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

6. MB công bố trên trang thông tin điện tử của MB các báo cáo tài chính của MB theo quy định pháp luật.

7. Các báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua gửi đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 90. Quyền tiếp cận, kiểm tra sổ sách và hồ sơ của MB

1. Cổ đông của MB có quyền xem, tra cứu và trích lục các thông tin về bản thân mình trong danh sách cổ đông; xem, tra cứu và trích lục hoặc sao chụp Điều lệ MB, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, phù hợp quy định của pháp luật.

2. Ngoài quyền tiếp cận theo quy định tại khoản 1 Điều này, cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 9% (chín phần trăm) tổng số cổ phần của MB trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền tiếp cận hồ sơ và sổ sách MB theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của MB, danh sách cổ đông và những sổ sách, hồ sơ, tài liệu khác của MB để phục vụ cho nhiệm vụ của mình tại MB và chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin tài liệu được cung cấp.

Điều 91. Chế độ lưu giữ tài liệu của MB

1. MB lưu giữ các tài liệu sau đây tại trụ sở chính hoặc địa điểm khác do Hội đồng quản trị quyết định:

1.1. Điều lệ MB; Sửa đổi, bổ sung Điều lệ MB; quy chế quản trị nội bộ của MB được Đại hội đồng cổ đông thông qua; sổ đăng ký cổ đông (trừ trường hợp được lưu giữ tại đơn vị quản lý sổ đăng ký cổ đông được chỉ định hoặc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán).

1.2. Giấy phép thành lập và hoạt động của MB; các giấy phép và giấy tờ pháp lý khác về việc thành lập, cấp phép hoạt động của MB.

1.3. Tài liệu, giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của MB.

1.4. Phiếu biểu quyết, biên bản kiểm phiếu, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; các quyết định của MB.

1.5. Bản cáo bạch đề chào bán hoặc niêm yết chứng khoán.

1.6. Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập.

1.7. Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hằng năm.

1.8. Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.

2. Thời hạn lưu giữ tài liệu tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định pháp luật.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc MB tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu của MB theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

Điều 92. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

MB thực hiện công bố thông tin đối với các báo cáo tài chính hằng năm và các nội dung, tài liệu khác theo quy định pháp luật.

Điều 93. Dấu của MB

Hội đồng quản trị MB được quyền quyết định hình thức, số lượng và nội dung dấu của MB; việc sử dụng, lưu giữ và quản lý dấu phù hợp quy định pháp luật. MB có thể sử dụng dấu dưới hình thức chữ ký số phù hợp quy định pháp luật về giao dịch điện tử. Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và những người có thẩm quyền khác của MB sử dụng dấu theo quy định của MB, quy định pháp luật.

CHƯƠNG VIII. TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN NGÂN HÀNG

Điều 94. Tổ chức lại

MB được tổ chức lại dưới hình thức chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

Điều 95. Giải thể

1. MB được giải thể trong những trường hợp sau:

1.1. MB tự nguyện xin giải thể nếu có khả năng thanh toán hết nợ và được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

1.2. Khi hết thời hạn hoạt động không xin gia hạn hoặc xin gia hạn nhưng không được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

1.3. Bị thu hồi Giấy phép.

1.4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. MB chỉ giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

3. Các quyết định giải thể MB do Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận theo quy định và/hoặc thông báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Chậm nhất trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày có quyết định giải thể MB, Hội đồng quản trị thành lập Ban thanh lý gồm tối thiểu 03 (ba) thành viên, trong đó một thành do Hội đồng quản trị chỉ định có chuyên môn về kế toán, kiểm toán và hai thành viên (hoặc các thành viên còn lại của Ban Thanh lý) do Đại hội đồng cổ đông chỉ định. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số cán bộ, nhân viên của MB hoặc thuê chuyên gia độc lập. Ban thanh lý sẽ thay mặt MB trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý MB trước tòa án và các cơ quan có thẩm quyền khác. Ban thanh lý chuẩn bị quy chế hoạt động của mình, quy trình và thủ tục thanh lý. Tất cả các chi phí liên quan đến việc thanh lý tài sản được MB ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của MB.

5. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ thanh toán theo thứ tự sau:

5.1. Các chi phí thanh lý.

5.2. Tiền lương, chi phí bảo hiểm cho cán bộ nhân viên theo quy định của pháp luật.

5.3. Thuế và các chi phí có tính chất thuế mà MB phải trả cho Nhà nước.

5.4. Các khoản vay và nợ khác của MB.

5.5. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ điểm 5.1 đến điểm 5.4 khoản này được phân chia cho các cổ đông.

6. Các thủ tục và quy định khác liên quan đến giải thể MB thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 96. Phá sản

Việc phá sản được thực hiện theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và pháp luật liên quan.

CHƯƠNG IX.

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ, SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 97. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại có liên quan tới hoạt động của MB hay tới quyền, nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ này hoặc quy định pháp luật giữa:

1.1. Một cổ đông hay các cổ đông với MB.

1.2. Một cổ đông hoặc các cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người quản lý khác của MB.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn tranh chấp. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trung gian cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trong trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp thuận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra cơ quan trọng tài hoặc tòa án có thẩm quyền.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán chi phí của tòa án hay trọng tài sẽ theo phán quyết, quyết định của các cơ quan này.

Điều 98. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Trường hợp các quy định của pháp luật có liên quan chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc quy định pháp luật mà MB phải tuân thủ khác với Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng.

CHƯƠNG X. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 99. Ngôn ngữ sử dụng và Hiệu lực của Điều lệ

1. Ngôn ngữ chính thức được sử dụng trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, họp Hội đồng quản trị, họp Ban kiểm soát là tiếng Việt; ngôn ngữ sử dụng trong các văn bản Điều lệ, quy chế, quy định, quyết định của MB cũng như trong biên bản các cuộc họp kể trên là tiếng Việt. Các cổ đông nước ngoài tự chuẩn bị người và chịu các chi phí phiên dịch, biên dịch từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài.

2. Bản Điều lệ này gồm 10 (mười) chương, 99 (chín mươi chín) điều, được Đại hội đồng cổ đông MB thông qua¹ và có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 10 năm 2025, thay thế bản Điều lệ có hiệu lực ngày 10 tháng 3 năm 2025.

Các vấn đề chưa được đề cập tại Điều lệ sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật có liên quan. Trường hợp Điều lệ này có nội dung trái với quy định pháp luật thì đương nhiên hết hiệu lực thi hành và MB sẽ tự động áp dụng quy định pháp luật tương ứng.

3. Điều lệ này được lập thành các bản có giá trị như nhau, được gửi cho các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật và lưu trữ tại MB.

4. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của MB.

5. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ MB phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền, phù hợp quy định của pháp luật.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Lưu Trung Thái

¹ Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông MB thông qua ngày 19/4/2024 và thông qua việc sửa đổi, bổ sung để cập nhật về vốn điều lệ và thay đổi khác phù hợp quy định pháp luật ngày 26/4/2025.